

THÍCH THIỆN HOA

NHƠN-QUÀ, NGHIỆP  
và  
LUÂN-HỒI



PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN

[www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

*Sachvui.Com*

Sa-éc

Wednesday, December 09, 2015



Soạn-giả:  
THÍCH THIỆN-HOA

# NHƠN-QUÀ, NGHIỆP và LUÂN-HỒI



PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN

[www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

*Sachvui.Com*

# LỜI GIỚI THIỆU

*Mỗi tôn-giáo đều có một giáo-lý riêng, để giải thích sự sống. Giáo-lý ấy có khi hoàn-toàn dựa lên đức tin thuần-túy, có khi dựa lên sự tưởng tượng hoang-đường, có khi dựa lên lòng ước mơ tha-thiết của loài người.*

*Riêng về đạo Phật, giáo-lý về sự sống đặt căn-bản lên lý-trí và thực-nghiệm. Giáo-lý ấy mệnh danh là Nhân-quả Luân-hồi.*

*Luật Nhân - quả không xa lạ gì đối với những ai có một chút nhận xét và suy-luận ; luật Nhân-quả lại càng gần-gũi với giới khoa-học. Nhờ tin chắc ở luật Nhân-quả mà nhà khoa-học khám phá ra biết bao nhiêu điều huyền-bí của vũ-trụ và phát minh được những cái kỳ lạ cho cõi đời. Nhưng nhà khoa-học chỉ áp dụng luật Nhân-quả trong phạm-vi vật-chất. Đức Phật đi xa hơn, chứng-minh luật Nhân-quả cả trong phạm vi tinh-thần.*

*Nhà khoa-học chỉ áp dụng luật Nhân-quả trong một khoảng thời-gian nhất định. Đức Phật đi xa hơn, chứng minh luật Nhân-quả trong suốt thời-gian : quá-khứ, hiện-tại và tương-lai. Luật Nhân-quả chứng-minh qua thời-gian vô hạn định và trong phạm vi tinh-thần ấy ; đức Phật gọi bằng một cái tên riêng là « luân-hồi ». Nói một cách khác, Luân-hồi là Nhân-quả liên-tục trong phạm-vi tinh-thần.*

*Đã tin Nhân-quả tất nhiên không thể phủ nhận Luân-hồi. Vì thế, ngày nay trên thế-giới, không phải chỉ có tín-đồ Phật-giáo mới tin lý Nhân-quả Luân-hồi, mà các nhà thông thái Ân-mỹ cũng đã lãnh nạp giáo-lý ấy. Trong các báo chí và sách vở ở khắp năm châu, vẫn đẽ Nhân-quả Luân-hồi đã được đem ra nghiên-cứu một cách đúng đắn và chân thành.*

*Ở Việt-Nam, vẫn đẽ này không xa lạ gì với độc-giả, nhất là đối với độc-giả Phật-tử, thì lại càng quen thuộc. Tuy thế vẫn đẽ Nhân-quả Luân-hồi, một vẫn đẽ cẩn-bản trong giáo-lý nhà Phật, nói bao nhiêu cũng vẫn thấy còn bò ich.*

*Vì nhận thấy sự quan-trọng của vẫn đẽ này, nên Thượng-tọa THIỆN-HOA đã soạn lại những bài giảng của Thượng-tọa, sắp đặt lại thành hệ-thống trong tập sách này và lấy nhan đề chung là : « Nhân-quả Luân-hồi ».*

*Đặc điểm của tập sách này là sự trình bày rất sáng sủa, phò thông và khoa-học.*

*Với đặc điểm trên, chúng tôi tin chắc rằng tập sách nhỏ này sẽ ổn định được tinh-thần những ai đang băn-khoăn, thắc-mắc về vẫn đẽ sống chết, về ý nghĩa của cuộc đời, và sẽ gây thêm lòng tin tưởng vững-chắc cho hàng Phật-tử và giúp họ thêm hăng-hái trong việc tu hành để chóng thoát khỏi cảnh sanh tử luân-hồi.*

*Với lòng tin tưởng ấy, chúng tôi hân-hạnh xin giới-thiệu tập sách nhỏ này với toàn thể quý vị độc-giả thân mến.*

*Kính*

Sa-éc

**NHÀ XUẤT-BẢN HƯƠNG-ĐẠO**

Wednesday, December 09, 2015      Saigon, ngày 21-8-60

## ĐẶT VÂN - ĐỀ

---

Trong cõi mung-lung, vô cùng vô tận của trời đất, con người thật bé nhỏ, như một hòn sỏi, như một hạt cát; trong cái vĩnh-viễn không đầu không cuối của thời-gian, con người xuất hiện và mất đi nhanh như ánh sáng chớp đó, chớp tắt của con đóm-đồm, như ánh sáng của một làn chớp. Nhưng khổ thay, con người bé nhỏ và chóng tan biến ày lại mang trong đầu óc những câu hỏi quá to lớn: «Ta từ đâu đến đây? Ta đến đây để làm gì? Đến đây rồi ta sẽ chấm dứt cuộc hành-trình sau hơi thở cuối cùng ở đây, hay còn tiếp tục đi nữa? Đi đâu? Đi hay về? Đi theo một con đường thẳng hay đường cong? Đi xuồng hay đi lên?» Quá khứ đã không hay; tương lai cũng sẽ không biết; còn hiện-tại thì quá ngắn-ngủi phù-du!

Và than ôi ! ngay trong cái hiện-tại ngắn-ngủi ày, cũng đã chứa đựng không biết bao nhiêu sự bất công, vô lý :

— « Tại sao người ày đẹp mà ta xấu ? người kia giàu mà ta nghèo ? người ày sướng mà ta khổ ? Tại sao có người chêt yêu, có người sống lâu ? có người thông minh có người ngu-muội ? có người hiền lương, có kẻ ác độc ? ».

— « Tại sao và tại sao ! ». Bao nhiêu câu hỏi xoay tít trong đầu, như những cái chong chóng, gầm thét kêu gào, đòi hỏi, làm cho người ta điên đầu, lộn não. Để châm dứt sự hoành hành của những câu hỏi ày, có người đã tìm cách châm dứt đòi mình với thuốc độc ; có người lẩn tránh trong thuốc phiện, trong rượu nồng dê béo, trong sóng mắt làn môi...

Để cho khoẻ não, có người tự bảo mọi sự mọi vật đều do ý Trời sắp đặt ; có người bảo là do một mảnh lực tiền định, có người bảo là sự may rủi trớ-trêu, không có nguyên do, luật lệ gì cả.

Nhưng những câu giải-đáp gượng gạo trên, không làm thỏa mãn được những tâm hồn thiêt-tha muôn tìm hiểu sự thật:

Bảo rằng do ý một vị Thần sắp đặt thì ý vị thần ấy thật mâu-thuẫn, phi lý, độc tài. Xưa, đức Phật đã nói như sau đây, khi đe dọa đèn thần Brahma:

« Người đã chứng kiền bao sự đau khổ ở trước mắt, tại sao không làm cho chúng-sanh được an vui? Nếu người ấy có nhiều thần lực, tại sao không dùng thần lực để cứu độ chúng-sanh? Tại sao những con sanh của người ấy lại phải chịu lầm điểu khổ sở? Tại sao người ấy không ban phước lành đèn cho con họ? Tại sao những xảo-quyết, giả-dối mê lầm vẫn tồn tại mãi mãi? Tại sao gian xảo càng ngày càng tăng tiền, còn chân-lý và công bằng lại phải lu mờ? Ta xem thần Brahma như một người vô cùng bất công đối với kẻ bị sanh ra trong thế-giới đầy dãy nhơ bần, xâu xa này ». (Kinh Bhūcidatta Jataka).

Nếu bảo rằng mọi sự vật ở đời đều do một sức mạnh tiền định, chi phòi tất cả, thì

thứ hỏi sức mạnh ấy là sức mạnh gì? Của ai? Có sáng suốt hay mù quáng? Nếu không giải đáp được những câu hỏi phụ thuộc ấy, mà cứ quyết đoán như thè, thì thật là quá nồng-nỗi.

Còn nếu bảo rằng sự hiện hữu của cõi đời này, không do một nguyên nhân gì cả, thì thật là vô cùng phi lý! vì chúng ta hãy nhìn chung quanh ta, có một cái gì sanh ra mà không có nguyên-nhân không?

Riêng nói về sanh mạng con người, có hai quan-niệm thông thường, trái ngược nhau :

— Quan niệm chấp đoan, cho rằng con người chỉ có một đời trong hiện-tại, trong khoảng một trăm năm; đèn khi nhảm mắt xuôi tay, thân thể tan ra tro bụi và kiền vắn, trí giác cũng không còn gì hết. Chết là hết, là hoàn toàn nhất hẵn.

— Quan-niệm chấp thường, cho rằng linh-hồn bất tử; sau khi chết, thân thể tan rã, nhưng linh-hồn thường còn mãi mãi, sẽ lên cõi Thiên-đường để thọ hưởng vĩnh

viễn những sự an vui khoái-lạc (nếu trong đời hiện tại ăn ở hiền lương) hay sẽ bị đưa xuống địa - ngục chịu khổ mãi mãi (nếu trong đời hiện tại làm nhiều điều tội lỗi).

Hai quan-niệm trên này đều không đúng !

Chết là mắt hàn ! Sao lại mắt hàn được ? Hãy nhìn chung quanh ta có cái gì mắt hàn đâu ? Một hạt cát, một mảy lông còn không thể mắt hàn được, huống chi con người là một sinh vật có khả năng tri giác nhất trong chúng-sanh ?

Nhưng bao rắng linh-hồn là thường cõn, ở mãi trên thiên-đường hay dưới địa-  
ngục cũng không đúng. Sự nhận xét thông thường cho chúng ta thấy rằng, trong vũ-trụ, không có một cái gì có thể vĩnh-viễn và ở yên một chỗ, mọi sự vật đều biến đổi và xê dịch. Vả lại có gì bất công hơn là chỉ vì những cái nhân đã gieo trong một đời hiện-tại ngắn - ngủi, mà phải chịu cái quả vĩnh - viễn tốt hay xấu trong tương lai.

Sá- éc

Wednesday, December 09, 2015

Cho nên những loại giải đáp nói trên, đều không thể đứng vững được trước ánh sáng lý luận.



Những vấn đề trên này, giáo-lý nhà Phật đã giải đáp một cách rõ ràng, khúc chiết, mạch lạc. Những lời giải đáp này không dựa vào oai lực của thần quyền, không dựa vào những tín-điều độc-đoán, cũng không dựa vào trí tưởng tượng mơ-hồ, mà bằng cứ vào những nhận xét xác-đáng trong hiện cảnh những cái tai nghe mắt thấy, những điều có thể chứng-nghiệm được. Đức Phật bao giờ cũng dựa trên thực tế để lập luận, vì thế, mặc dù những lời dạy của Ngài đã nói ra trên hai ngàn năm trã̄n năm rồi, mà bây giờ vẫn còn đúng đắn và vô cùng giá trị; có đủ năng-lực làm thỏa-mãn sự khát-khao hiểu biết của những ai băn-khoăn đi tìm chân-lý và ý nghĩa của cuộc đời.

Trong tập sách nhỏ này, chúng tôi không có tham vọng giải đáp tất cả những vấn đề trọng đại, hàm chứa trong những

chữ « siêu hình », « vũ-trụ-quan », « nhân-sinh-quan » v.v... chúng tôi chỉ xin trình bày cái kiếp sống của con người, qua thời-gian và không-gian, những nguyên-nhân và kết-quả đã tạo cho mỗi người một hoàn-cảnh giống nhau hay khác nhau; đồng thời chúng tôi sẽ giải đáp một số những thắc-mắc có liên quan mật-thiết đến kiếp người.

Trong khi trình bày, chúng tôi sẽ giữ một thái-độ hoàn-toàn khách quan và nêu lên những bằng chứng cụ-thể, có thể nhận xét được rõ ràng, chứ không dựa vào những tin-diều độc-doán hay mượn uy-lực của thần-quyền để bắt độc-giả phải cùi đầu tin theo.



[www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

*Sachvui.Com*

Sa-éc  
Wednesday, December 09, 2015

# CHƯƠNG MỘT

# LUẬT NHÂN-QUẢ

## I.- ĐỊNH NGHĨA

1.- **Luật.**— Có người cho rằng đã gọi là luật thì tất phải có một đảng Thiêng-liêng nào, người nào, hay xã-hội đặt ra. Quan-niệm này có nghĩa hẹp-hòi và nồng-cạn. Luật ở đây là luật thiên-nhiên, luật tự-nhiên, nó bao trùm cả vũ-trụ, vạn vật, chứ không nằm trong phạm-vi của loài người, hay trong một xã-hội nào. Người ta có thể khám-phá ra luật ấy, chứ không thể đặt ra luật ấy được. Đức Phật, mặc dù là một Đảng Giác-ngộ, cũng không đặt ra luật ấy, Ngài chỉ là người đã dùng trí - huệ sáng suốt của mình, để vạch cho mọi người thấy rõ-ràng cái luật nhân-quả đang điều hành trong vũ-trụ mà thôi.

**2.- Nhân-quả.**— Nhân là nguyên-nhân, Quả là kèt - quả. Nhân là cái hạt, Quả là cái trái do hạt ấy phát sinh. Nhân là năng lực phát động, Quả là sự thành hình của năng lực phát động ấy. Nhân-Quả là một định luật tất-nhiên, có tương quan mật thiết với nhau và chi phối tất cả mọi sự mọi vật.

## II.— NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA LUẬT NHÂN-QUẢ

**1.- Nhân-quả là một định luật nằm trong lý nhân-duyên.**— Nhân-quả là một định-luật, mới ngó thì rất giản-dị, nhưng nếu càng đi sâu vào sự vật để nghiên-cứu thì lại càng thấy phức-tạp, khó khăn. Trong vũ-trụ mọi sự vật không phải đơn thuần tách rời từng món, mà có liên-quan mật thiết với nhau, xoắn lầy nhau, đan lầy nhau ánh hường lẫn nhau, tương phản nhau, thừa tiếp nhau. Để nói đúng trạng thái chấn-chịt giữa sự vật, đạo Phật thường dùng danh từ «Nhân-Duyên», nghĩa là mọi sự, mọi vật có ra là nhờ duyên với nhau, nương vào nhau, hay tương-phanh nhau mà

thành, chứ không có một cái nào đứng biệt lập được. Trong sự phức-tạp của sự vật ấy, tìm ra được cái nhân chánh của quả, hay cái quá chính của nhân, không phải là việc dễ. Do đó mà nhiều người không quen suy nghĩ tìm tòi sâu xa, sanh ra nghi ngờ thuyết « Nhân-quả ». Thí dụ : hạt lúa có thể làm nhân cho những chẹn lúa vàng là quả trong mùa gặt sau, nếu người ta đem gieo nó xuống đất ; nhưng nó cũng có thể làm cho người ta no bụng, biến thành máu thành thịt trong cơ-thể và thành phân bón cho cây cỏ, nếu chúng ta đem nấu nó để mà ăn. Như thế một nhân chính có thể thành ra quả này hay quả khác, nếu những nhân phụ khác nhau : muôn hạt lúa ở mùa này thành chẹn lúa ở mùa sau, thì phải có đất, có nước, có ánh sáng, có không-khí, có thời-gian, có nhân công ; muôn nó thành máu huyệt thì phải nấu, phải ăn, phải có bộ máy tiêu hóa. Cho nên, khi nói nhân quả là tách riêng sự vật ra khỏi cái chung cùng toàn thể của vũ-trụ, lấy một khía cạnh nào đó, để dễ quan sát, nghiên-cứu, chứ muôn nói

cho đúng thì phải dùng hai chữ «Nhân-Duyên». Cũng như một nhà khoa-học, khi muốn nghiên-cứu một bộ phận nào trong cơ-thể, khu biệt, cắt xén bộ phận ấy ra khỏi cơ-thể, để nghiên-cứu cho dễ, chứ thật ra bộ phận ấy không phải biệt lập, mà trái lại có liên-quan mật-thiết đến toàn cả cơ thể.

**2.- Một nhẫn không thể sinh ra quả.—**  
Như chúng ta đã thấy ở đoạn trên, sự vật trong vũ-trụ này đều là sự tổ-hợp của nhiều nhân-duyên. Cho nên không có một nhân nào có thể tự tác thành kết quả được, nếu không có sự giúp đỡ của nhiều nhân khác. Nói rằng hạt lúa sinh ra cây lúa, là nói một cách giản-dị cho dễ hiểu, chứ thật ra hạt lúa không thể sinh ra gì được cả; nếu để nó một mình giữa khoảng trống không, thiều không khí, ánh sáng, đất, nước, nhân công.

Cho nên, khi nghe ai tuyên-bô rằng mọi vật do một nhân sinh ra, hay một nhân có thể sinh ra vạn vật; ta có thể chắc chắn rằng người ấy nói sai.

3.- Nhân thể nào thì quả thế ấy.— Nếu ta muốn có quả cam thì ta phải ương hạt giồng cam ; nếu ta muốn có hạt đậu thì ta phải gieo giồng đậu. Không bao giờ ta trồng cam mà lại thay đậu, hay trồng đậu mà lại được cam. Người học đàn thì biết đàn, người học chữ thì biết chữ. Nói một cách khác, nhân với quả bao giờ cũng đồng một loại với nhau. Hễ nhân đồi thì quả cũng đồi. Nếu nhân đồi ít thì quả cũng đồi ít, nếu nhân đồi nhiều thì quả cũng đồi nhiều.

Quả còn tùy thuộc ở những duyên phu, mà trong đạo Phật gọi là tăng-thượng-duyên hay trợ-duyên. Thí dụ : Hạt lúa là nhân ; đất, nước, không khí, ánh sáng, nhân công, là trợ-duyên. Nếu trồng lúa mà thiếu nước thì hạt lúa bị xèp. Khi chúng ta muốn có những trái cam thật to, chúng ta hãy ghép cái mọc cam vào gốc cây bưởi. Vậy cái kết quả tốt đẹp là những trái cam to lớn, nhiều nước ày, không phải chỉ do cái mọc cam, mà còn do gốc bưởi nữa. Cho nên khi chúng ta muốn có cái kết quả như thế nào đó, thì phải hội cho đủ điều kiện,

nghĩa là cho dù nhân-duyên, thì kêt quả mới được như ý ta mong muôn. Có nhiều người muôn được kêt quả như thè này, nhưng lại không hội dù nhân-duyên như thè ấy, nên kêt quả đã sai khác với ý mong muôn của mình, và do đó, họ đâm ra ngờ sự đúng-đắn của luật «Nhân-Quả».

**4.- Trong nhân có quả, trong quả có nhân.**— Chính trong nhân hiện-tại đã có hàm chứa cái quả vị-lai ; cũng chính trong quả hiện-tại đã có hình bóng của nhân quá-khứ. Một sự vật mà ta gọi là nhân, là khi nó chưa biến chuyễn, hình thành ra cái quả mà ta quan-niệm ; một sự vật mà ta gọi là quả là khi nó biến chuyễn hình thành ra trạng-thái mà ta đã quan-niệm. Một vật đều có nhân và quả : đối với quá-khứ thì nó là quả, nhưng đối với tương-lai thì nó là nhân. Nhân và quả đắp đối nhau, tiếp nỗi nhau không bao giờ dứt. Nhờ sự liên tục ấy, mà trong một hoàn cảnh nào, người ta cũng có thể đoán biết quá-khứ và tương-lai của một sự vật hay một người. Trong kinh thường

nói: «Đục tri tiền thè nhân, kim sanh thò giả thị; yêu tri hậu thè quả, kim sanh tác-giả thị», (muôn biết cái nhân đời trước, thì cứ xem quả đời nay đương thọ. Muôn biết cái quả về sau thè nào, thì cứ xét cái nhân đang tác-động trong hiện-tại). Cũng như thầy trong kho lâm, năm nay có chửa lúa (quả) thì biết năm vừa qua có làm ruộng (nhân). Còn muôn biết sang năm trong lâm có lúa không (quả) thì cứ xem năm nay có làm ruộng hay không (nhân) (trừ trường hợp bỏ tiền ra mua lúa non, thì không kể).

**5.- Sự phát triển mau và chậm từ nhân đến quả.**— Sự biến chuyển từ nhân đến quả có khi mau khi chậm, chứ không phải bao giờ cũng diễn tiến trong một thời gian đồng đều.

Có những nhân và quả xảy ra kè tiếp nhau, theo liền nhau, nhân vừa phát khởi thì quả đã xuất hiện. Như khi ta vừa đánh xuồng mặt trăng (nhân) thì tiếng trăng liền phát ra (quả), hay khi hai luồng điện âm và dương vừa gặp nhau, thì ánh-sáng liền bừng lên.

Có khi nhân đã gây rối, nhưng phải đợi một thời gian, quả mới hình thành, như từ khi gieo hạt giồng cho đèn lúc gặt lúa, cần phải có một thời gian ít nhất là bốn tháng.

Có khi từ nhân đèn quả cách nhau từng chục năm, như đứa bé mới cắp sách đi học cho đèn ngày thành tài, phải qua một thời gian ít nhất là mươi năm.

Có khi cần đèn một vài trăm năm, hay nhiều hơn nữa, quả mới xuất hiện, chẳng hạn như từ ý niệm giành độc-lập của một quốc-gia đèn khi thực hiện được nền độc-lập ấy, cần phải trải qua bao thế-kỷ.

Vì lý-do mau chậm trong sự phát hiện của các quả, chúng ta không nên nóng nảy hắp tắp mà cho rằng cái luật nhân quả không hoàn toàn đúng, khi thay có những cái nhân chưa phát sinh ra quả.

### III.— PHÂN TÍCH HÀNH-TƯỚNG CỦA NHÂN-QUẢ TRONG THỰC-TẾ

Như các đoạn trên đã nói, nhân-quả chi-phối tắt cả vũ-trụ vạn hữu, không có

một vật gì, sự gì, động vật hay thực vật, vật-chất hay tinh-thần, thoát ra ngoài luật nhân-quả được.

Đến đây, để có một quan-niệm rõ-ràng về luật nhân-quả, chúng ta hãy tuân tự phân tách hành tướng của nhân-quả trong các chủng loại nằm trong vũ-trụ:

**1.- Nhân quả trong những vật vô tri vô giác.**— Nước bị lửa đốt thì nóng, bị gió thổi thì thành sóng, bị lạnh thì đông lại. Nắng lâu ngày thì đại hạn, mưa nhiều thì lụt, gió nhiều thì sanh bão.

**2.- Nhân quả trong các loài thực vật.**— Hạt cam thì sanh cây cam, cây cam thì sanh trái cam. Hạt ót thì sanh cây ót, cây ót thì sanh trái ót. Nói một cách tổng quát: giồng ngọt thì sanh quả ngọt, giồng chua thì sanh quả chua, giồng đắng thì sanh quả đắng, giồng nào thì sanh quả ấy.

**3.- Nhân quả trong các loài động vật.**— Loài chim sanh trứng; nếu ta gọi trứng là nhân, khi ấp nở thành con là quả;

con chim ày trở lại làm nhân, sanh ra trứng là quả.

Loài thú sanh con, con ày là quả. Con thú lớn lên trở lại làm nhân, sanh ra con là quả.

#### 4.- Nhân-quả nơi con người :

a) Về phương-diện vật-chất.— Thân tú-dai là do bẩm thụ khí huyết của cha mẹ, và do hoàn-cảnh nuôi dưỡng. Vậy cha mẹ và hoàn-cảnh là nhân, người con trưởng thành là quả, và cứ tiếp nỗi vậy mãi, nhân sanh quả, quả sanh nhân không bao giờ dứt.

b) Về phương-diện tinh-thần.— Những tư-tưởng và hành-vi trong quá khứ tạo cho ta những tánh tình tốt hay xấu, một nếp sống tinh-thần trong hiện tại; tư-tưởng và hành-động quá-khứ là nhân, tánh tình, nếp sống tinh-thần trong hiện tại là quả. Tánh tình và nếp sống này làm nhân để tạo ra những tư - tưởng và hành - động trong tương-lai là quả.

Phương diện tinh-thần này, hay nói theo danh từ nhà Phật, phương diện nội

tâm, là phần quan trọng. Vậy chúng ta phải đặc biệt chú ý đến hành tướng của nó.

**i.- Nhân-quả của tư-tưởng và hành vi không tốt.**

a) *Tham* : Thày tiền của người nỗi lòng tham-lam, sanh ra trộm-cắp, hoặc giết hại người là nhân; bị chủ đánh đập hoặc chém giết, phải mang tàn tật, hay bị nhà chức trách bắt giam trong khám đường, chịu những điều tra-tàn đau khổ là quả.

b) *Sân* : Người quá nóng giận đánh đập vợ con, phá hại nhà cửa, chém giết người không góm tay là nhân; khi hết giận, đau đớn nhìn thầy vợ con bình hoạn, nhà cửa tiêu tan, luật pháp trừng trị, phải chịu nhiều điều khổ cực, là quả.

c) *Si-mê* : Người say mê sắc dục, liễu ngõ hoa trường không còn biết sự hay dở, phải trái, đó là nhân. Làm cho gia đình lủng-củng, thân thể suy nhược, trí tuệ u-ám, là quả.

d) *Nghi-ngò*: Suốt đời cứ nghi-ngò việc này đền việc khác, ai nói gì cũng không tin, ai làm gì cũng không theo, đó là nhân. Kết cuộc không làm nên được việc gì cả, đền khi lâm chung, buông xuôi hai bàn tay trắng, đó là quả.

d) *Kiêu-mạn*: Tự cho mình là hơn cả, khinh bỉ mọi người, chà đạp nhân phẩm người chung quanh, là nhân; bị người ghét bỏ, xa lánh, sống một đời lè loi, cô độc là quả.

e) *Nghịen rượu trà*: Chung nhau tiền bạc ăn nhậu cho ngoài nguê là nhân, đền lúc say xưa, chén bát ngỗn ngang, ghè bàn nghiêng-angled, nhiều khi rẩy rà chém giết nhau, làm nhiều điều tội lỗi, phải bị phạt và tù tội, là quả.

g) *Say mê cờ bạc*: Thầy tiền bạc của người muôn hốt về mình, đắm đuối quanh năm suốt tháng theo con bài lá bạc, là nhân; đền lúc của hết, nhà tan, nợ nần vây kéo, thiều trước hụt sau, là quả.

2.- Nhân-quả của tư-tưởng và hành-vi  
tốt.— Như trên chúng ta đã thấy, những  
tư - tưởng hành - vi xâu xa, tạo cho con  
người những hậu quả đen tối, nhục-nhã,  
khô đau như thè nào, thì những tư-tưởng  
và hành-vi đẹp-dẽ tạo cho con người những  
hậu quả xán-lạn, vinh-quang và an vui cũng  
như thè ấy.

Người không có tánh tham-lam, bón-  
xèn thì tất không bị của tiền trói buộc,  
tất được thành thạo. Người không nóng  
giận, tất được sống trong cảnh hiền hòa,  
gia-đình êm ấm ; người không si-mê theo  
sắc dục, tất được gia đình kính nể, vợ con  
quí chuộng, trí-tuệ sáng suốt, thân thể tráng  
kiện ; người không hay ngờ vực, có đức  
tin, thì hăng hái trong công việc, được  
người chung quanh tin cậy, và dễ thành  
tựu trong đường đời; người không ngạo  
mạn thì được bạn bè quí chuộng, niềm-nở  
tiếp đón, tận tâm giúp đỡ khi mình gặp  
tai biến. Người không rượu chè, cờ bạc  
thì không đèn nỗi túng thiêu, bà con quen

biết kính nể, yêu vì... Những điều trên này, thường không cần phải nói nhiều, quý độc giả cũng thừa biết. Hằng ngày, quanh chúng ta, những cảnh-tượng nhân và quả ấy diễn ra không ngót. Mở một tờ báo hằng ngày ra, chúng ta thấy ngay những bài học nhân-quả : trước vành móng ngựa kè này bị hai năm tù vì tội ăn trộm ; kè kia giết người cướp của bị lén máy chém ; kè nọ say mê cờ bạc thui kèt bị tịch biên gia sản ; cô kia ngoại tình bị chồng chém v.v...

Nói một cách tổng quát, về phương diện vật chất cũng như tinh-thần, người ta gieo thứ gì thì gặt thứ ấy. Người Pháp có câu : « Mỗi người là con đẻ của công nghiệp mình » (chacun est le fils de son oeuvre).

#### IV.— LỢI ÍCH DO SỰ HIỂU BIẾT LUẬT NHÂN - QUẢ ĐEM LẠI CHO CHÚNG TA

Khi chúng ta đã biết rõ luật Nhân-quả, nhưng nêu chúng ta không đem nó ra ứng dụng trong đời sống của chúng ta, thì sự hiểu biết ấy trở thành vô-ích. Cho nên

chúng ta đã hiểu rõ luật nhân-quả, thì phải cõ-gắng thật hành cho được bài học ấy trong mọi trường hợp. Nếu chúng ta biết đem luật nhân-quả làm một phương-châm hành động và suy luận, thì chúng ta sẽ thu lượm được rất nhiều lợi-ích:

**1.- Luật nhân-quả tránh cho ta những mê-tín dị-doan, những tin tưởng sai làm vào thần quyền.**— Luật nhân-quả cho chúng ta thấy được thực-trạng của sự vật, không có gì là mơ-hồ, bí hiềm. Nó vén lên tất cả những cái màn đèn tối, phinh-phờ của mê-tín, dị-doan đang bao trùm sự vật. Nó cũng phủ nhận luôn cái thuyết chủ trương vạn vật do một vị Thần sinh ra và có uy quyền thường phạt muôn loài. Do đó, người hiểu rõ luật nhân-quả sẽ không đặt sai lòng tin tưởng của mình, không cầu xin một cách vô-ích, không ý lại thần quyền, không lo sợ, hoang-mang.

**2.- Luật nhân-quả đem lại lòng tin-tưởng vào chính con người.**— Khi đã biết cuộc đời của mình là do nghiệp-nhân của

chính mình tạo ra, mình là người thợ tự xây dựng đời mình, mình là kẻ sáng tạo, mà không tin-tưởng ở mình thì còn tin-tưởng ở ai nữa ? Lòng tự tin ấy là một sức mạnh vô cùng quý báu, làm cho con người dám hoạt-động, dám hy-sinh, hăng-hái làm điều tốt, vì những hành động tốt đẹp ấy, họ biết sẽ là những cái nhân quý báu đem lại những kết quả đẹp đẽ.

**3.- Luật nhân-quả làm cho chúng ta không chán nản, không trách móc.**— Người hay chán nản, hay trách móc là vì đã đặt sai lòng tin của mình, là vì đã có thói quen ý lại ở kẻ khác, là vì đã hướng ngoại. Nhưng khi đã biết mình là động lực chính, là nguyên nhân chính của mọi thất bại hay thành công, thì còn chán nản trách móc ai nữa ? Đã biết mình là quan-trọng như thế chỉ còn lo tự sửa mình, lo thôi gieo nhân xâu để khôi phái gặt quả xâu, thôi tạo giồng ác để khôi mang quả ác.

## V.— MỘT THÁI-ĐỘ CẦN THIẾT TRONG KHI ÁP DỤNG LUẬT NHÂN-QUẢ : NGHĨ ĐỀN QUẢ TRƯỚC KHI GÂY NHÂN

Chúng ta đã thấy rõ những ích-lợi do sự hiểu biết luật nhân-quả đem lại cho mỗi chúng ta. Đến đây chúng tôi muốn dành riêng một đoạn, để nhân mạnh vào một điểm vô cùng quan-trọng, mà nếu chúng ta biết triệt để khai thác trong khi áp dụng luật Nhân-quả, thì lợi-ích sẽ vô cùng rộng lớn. Đó là : trong mọi hành động của chúng ta, bao giờ cũng nên nghĩ đền quả, mà trong nhân. Những người không nghĩ đền quả mà cứ gieo nhân bừa-bãi, thì thè nào cũng gặt nhiều tai họa, gây tạo cho mình những điều phiền phức, có khi làm ung đột cả cuộc đời, cả sự sống. Chỉ có những người nồng nỗi, liều-linh mới không nghĩ đền ngày mai, mới sống qua ngày. Chứ những người sáng-suốt làm việc có kè-hoạch khôn ngoan, thì bao giờ cũng nhắm cái đích, rồi mới đi tới, hình dung rõ ràng cái quả rồi mới trong nhân.

Câu chuyện sau đây có thể chứng-minh một cách hùng-hỗn ý nghĩa nói trên:

Xưa có một vị Hiển-giả nêu ở giữa chợ một tấm bảng như sau:

*« Ai chịu trả một ngàn lượng vàng,  
Tôi sẽ bán cho một bài học ».*

Tấm bảng treo đã nhiều ngày mà không ai thèm hỏi đèn. Một hôm, một vị vua, nhân đi dạo chơi ngang qua chợ, trong thây, động tánh hiều kỳ, mới đèn chõ Hiển-giả, lày một ngàn lượng vàng, hỏi mua bài học ấy.

Sau khi nhận đủ số vàng, nhà Hiển-triết đưa bài học ra. Bài học vốn-vẹn chỉ có một câu giản dị như sau:

**« Phàm làm việc gì, trước phải xét kỹ  
kết quả của nó về sau ».**

Các quan tùy tùng thây vậy, xâm-xì với nhau: « Nhà vua bị gạt! Một câu nói như thế, có hay ho gì đâu mà phải mua đèn một ngàn lượng vàng? »,

Trong lúc đó, nhà vua cũng phân vân, không hiểu bài học giản-dị ấy, tại sao lại đắt giá đèn thè?

Khi về cung, nhà vua cứ suy nghĩ mãi về câu nói ấy. Trong lúc ấy như mọi đêm khác, trong cung đều có mờ yèn tiệc linh-dinh, cung phi mỹ-nữ ca hát suốt đêm, để nhà vua mặc tình vui chơi với tết rực. Nhưng hôm nay, vì bị bài học của nhà Hiển-triết ám ảnh, bắt vua suy nghĩ:

«Nếu ta say mê tết rực mãi như thè này, thì kết-quả sẽ ra sao? Thân thè sẽ suy nhược, tinh-thần tiêu-tụy và mau chết, việc triều đình phê bìn, rồi sẽ đi đèn chõ mắt nước, dân chúng trở thành nô-lệ cho ngoại bang, đời đời nhục nhã và khổ đau!...»

Nhận thấy rõ cái kết quả xâu-xa nguy hiểm của tết rực như thè, vua liền truyền lệnh dẹp ngay yèn tiệc, ca hát, và bắt đầu từ đó vua lo chỉnh đòn lại nước nhà, sửa sang binh bị...

Hai năm sau, một nước láng giềng đem binh đền cướp nước, nhà vua nhờ sớm giác-ngoại, lo xây dựng cho nước được hùng-cường, nên đã đuổi lui được quân giặc. Bây giờ nhà vua mới tự bảo :

«*Bài học của nhà Hiển-triết quý giá lắm!*  
*Một ngàn lượng vàng còn rẻ».*

Nhà vua bèn ra lệnh chép bài học ấy, dán khắp tất cả mọi nơi, cho đèn mâm cơm, chén nước cũng truyền khắc vào.

Một hôm có người trong hoàng-thân muôn tiêm-đoạt ngôi vua, nên thuê quan Ngự-y một sô tiền lớn để thừa lúc vua đau, tráo dâng thuốc độc. Lãnh tiền xong, quan Ngự-y sau khi chè thuốc độc xong, lén rót vào chén, định dâng lên vua uống. Nhưng khi nhìn thấy mày chữ khắc trong chén :

«*Phảm làm việc gì, trước phải xét kỹ kết-quả của nó về sau».*

Quan Ngự-y sực tỉnh và suy nghĩ : «Tôi thí vua này, nếu bị phát-giác ra, sẽ bị tru di tam tộc, chứ không phải tẩm thường». Quan Ngự-y sau khi xét kết-quả việc làm

của mình gốm ghê như thè, nên đã đồ chén  
thuộc và thú tội với nhà vua. Nhà vua thày  
quan Ngự-y đã biết ăn-năn hồi cải như thè,  
nên rộng lòng ân-xá và còn ban cho một số  
tiền bạc to tát nữa.

Nhờ bài học này, nước nhà khôi mêt,  
dân tộc khôi làm nô-lệ cho ngoại bang, nhà  
vua khôi chêt, nên vua cho bài học này là  
vật báu vô giá.

Vậy chúng ta cũng nên đem bài học này  
áp dụng vào mọi công việc hằng ngày của  
chúng ta. Khi chúng ta ham mê cờ bạc, nên  
nhớ cái kêt quả của nó sẽ là vong gia bại  
sản, thiều trước hụt sau, nợ nần đói hối.  
Khi lăm-le muôn gần với tửu sắc, hãy xét  
đèn kêt quả của nó sẽ làm thân thể hao mòn,  
đa mang tật bệnh, danh giá chôn vùi. Khi  
nóng giận muôn làm hại người, nên xét cái  
kêt quả của nó về sau là «oán oan tương  
báo», hại người tất sẽ bị người hại lại.  
Khi móng niêm tham lam tiền bạc của cải  
của người, nên xét kêt quả về sau là tù  
tội gông xiềng v.v...

Tóm lại, nếu chúng ta biết đem bài học nhân-quá này mà áp dụng trong tất cả mọi công việc làm hàng ngày của đời mình, thì chúng ta sẽ thấy tánh-tình và hành-vi của chúng ta mỗi ngày cải tiến, các việc sai quấy sẽ giảm bớt, các việc lành càng thêm tăng trưởng; và từ địa vị người vượt lên địa vị thánh, hiển, không phải là điều không làm được.



Sachvui.Com

## CHƯƠNG HAI

# N G H I È P

Ngày xưa có một gã thanh-niên, uất ức trước trạng-huống bất công giữa loài người, muôn tìm cho ra chân-lý, nên đã đèn hỏi Phật :

— BẠCH ĐỨC THÈ-TÔN, ĐÂU LÀ NGUYÊN NHÂN, LÀ NGUỒN GỐC CỦA SỰ BẤT CÔNG GIỮA CHÚNG - SINH ? TẠI SAO CÓ KẺ CHẾT YÊU, CÓ NGƯỜI SỐNG LÂU, CÓ KẺ KHOẺ MẠNH, CÓ NGƯỜI TÀN TẬT, CÓ KẺ XẦU XA, CÓ NGƯỜI ĐẸP ĐẼ, CÓ KẺ CÔ ĐỘC, CÓ NGƯỜI ĐÔNG CON, CÓ KẺ NGHÈO KHÓ, CÓ NGƯỜI GIÀU SANG, CÓ KẺ SANH TRONG GIA ĐÌNH ĐỀ TIỆN, CÓ NGƯỜI SANH TRONG DÒNG DỖI QUÍ PHÁI, CÓ KẺ NGU MUỘI, CÓ NGƯỜI KHÔN NGOAN ?

ĐỨC PHẬT ĐÃ TRẢ LỜI VĂN TẮT, NHƯNG ĐÂY Ý NGHĨA NHƯ SAU :

— Mỗi chúng-sinh đều có những hành-vi riêng; những hành-vi ấy làm món quà gia bảo, làm vật di truyền, làm người bạn chí thân, làm chỗ nương tựa của họ. Chính những hành-vi ấy là cái nghiệp đã làm cho chúng-sanh khác nhau trong cảnh trạng đì đồng vậy.

Kinh Atthasâlissi lại dạy rõ hơn :

« Do nơi sự khác nhau trong nghiệp mà có những sự khác nhau trong chúng-sanh, kè sanh ra trong gia-đình quyền quý, người sanh ra trong gia đình đê tiện; kè sanh ra trong sự nguyên túa, người sanh ra trong sự tôn trọng; kè sanh ra được hưởng hạnh phúc, người sanh ra phải chịu khổ sở ».

Như vậy thì mọi sự việc xảy ra cho mọi người là do nghiệp cá. Nhưng nghiệp là cái gì mà quan trọng đền thề?

### I.— ĐỊNH NGHĨA

Chữ nghiệp là do dịch nghĩa chữ Karma trong tiếng Phạn hay chữ Kamma trong tiếng Pa-li ra. Dịch âm là Kiết-ma. Nghiệp

nghĩa là hành - động, việc làm của thân, khẩu, ý. Khi chúng ta nghĩ một điều gì, nói một câu gì, làm một việc gì, lành hay dữ, xâu hay tốt, nhở nhặt hay to lớn, mà có ý thức, đều gọi là nghiệp. Những việc làm vô ý thức không phải là nghiệp. Đức Phật dạy: «Này các thày Tỳ - kheo, Như - Lai nói rằng tác ý là nghiệp». Tác ý bắt nguồn sâu xa trong vô-minh và ái-dục. Còn vô-minh, còn ái dục, còn ham muốn, thì mọi hành động, lời nói, tư-tưởng đều là nghiệp.

Những hành-động lời nói, tư-tưởng của chư Phật, chư Bồ-tát không gọi là nghiệp, vì các Ngài đã giác ngộ, không còn bị vướng mắc trong màn vô-minh và lưới ái dục.

## II.- SỰ HÌNH THÀNH CỦA NGHIỆP

Trong đoạn nói về luật Nhân-quả, chúng ta đã thấy về phương diện vật-chất cũng như tinh-thần, hễ có nhân thì thê nào cũng có quả, và quả lại làm nhân để tạo thành quả khác. Nhân quả đắp đổi cho nhau

và tiếp nỗi mãi không dứt. Trong phạm-vi con người khi mới tạo ra hành động nào bắt luận bằng thân, khẩu, hay ý thì hành động ấy gọi là nghiệp-nhân. Vang bóng ánh-hường của nghiệp-nhân ấy, được gieo vào trong ruộng tiêm-thức, và trưởng thành dần. Khi nó có đủ cơ duyên, vang bóng, ánh-hường ấy kết thành quả (nghĩa là phát lộ ra bằng hành-động thân, khẩu, ý khác), thì gọi là nghiệp-quả. Vang bóng ánh-hường của nghiệp-quả này, được gieo vào tiêm-thức để làm nghiệp-nhân cho nghiệp-quả về sau. Ruộng tiêm-thức chắt chúa, nuôi dưỡng tất cả những hạt nhân và quả ấy, và trở thành ruộng thiện, nếu những nghiệp-nhân và quả của người hành động đều thiện; trở thành ruộng ác, nếu nghiệp-nhân và quả của người ấy đều ác; hay trở thành ruộng nửa thiện nửa ác, nếu những nghiệp-nhân và quả của người ấy có thiện có ác. Cũng như khi chúng ta dùng một thửa ruộng để trồng đậu thì chúng ta có một đam ruộng toàn đậu; khi ta trồng bắp thì ta có một thửa ruộng bắp;

còn nêu khi chúng ta vừa trống cá đậu lăng bắp, thì ta có một đám ruộng bắp đậu lăng lộn.

Một thí dụ khác: Mỗi nhà họa-sĩ đều có một tầm gỗ để thử màu, trộn màu. Mỗi khi tô màu gì lên bức tranh, thì họa-sĩ lấy màu để trộn hay thử trước trên tầm gỗ ấy. Nếu họa-sĩ có một tánh tình nóng-nhiệt thích màu đỏ nhiều hơn các màu khác, thì tầm gỗ ấy lâu ngày trở thành màu đỏ; nếu họa-sĩ có tánh tình hiền dịu, thích màu xanh hơn các màu khác, thì tầm gỗ ấy, nổi bậc lên màu xanh. Những bức tranh thì họa-sĩ đã bán cho người khác, nhưng tầm gỗ thì luôn luôn còn lại bên mình họa-sĩ và khi chỉ nhìn vào tầm gỗ ấy, người ta có thể đoán biết họa-sĩ đã vẽ trong những bức tranh màu gì. Cũng như hành động, lời nói, tư tưởng của ta tuy đã tản mát trong không-gian tan biến trong thời-gian, mà ánh-hường, vang-bóng của chúng còn lại trong tiềm-thức, tạo cho ta một cá tính riêng biệt hoặc hiền hoặc dữ, hoặc siêng

hoặc nhác... Và khi nhận thấy cá tính của ta, người tinh ý có thể đoán biết được đại-khai-tánh cách những hành-động của ta trong quá-khứ, cũng như trong tương-lai.

Ông Lương-khai-Siêu một học giả Trung-Hoa, khi bàn về cái nghiệp, có làm một thí dụ rất có ý-nghĩa như sau :

« Hình tượng cứu cánh của nghiệp lực là thè nào ? Quý vị không nghe câu chuyện những nhà uồng trà chuyên môn sao ? Cái bình trà càng cũ càng ngon, nếu cái bình trà ấy xưa nay vẫn chè trà ngon. Vì sao vậy ? Là vì mỗi khi pha trà thì trong bình trà có một sự thay đổi tuy mỗi khi uồng xong, bình súc sạch sẽ chẳng còn thè gì, nhưng thật ra có một phần chất trà thâm vào bình, lần thứ hai bỏ trà mới vào, chất trà lần trước đã thâm vào bình lại tác dụng ra làm cho trà mới ngon hơn. Cứ thè lần thứ ba, thứ tư cho đến trăm ngàn lần, lần nào chất trà cũ cũng tác dụng ra, chất trà mới thâm thêm vào càng lâu càng nhiều. Lúc bấy giờ, không cần bỏ trà, chỉ chè nước sôi,

(chẳng qua được 1 lần) cũng vẫn có mùi vị uống được. Dùng nha - phiền cũng thế, người nghiên thích dùng dọc tầu cũ là vì đã thăm thuốc nhiều. Chất trà thăm vào bình, chất thuốc thăm trong dọc tầu, theo danh từ Phật - giáo có thể gọi nó là trà nghiệp, yên nghiệp. Tuy nhiên đem thí dụ như thế không được hoàn toàn đúng là vì một đàn thuốc phiện, trà là vô sanh mạng, một đàn người có sanh-mạng ; dù sao đứng về phương diện hình tướng của nghiệp, cũng tương tự được vài phần (lược-khảo Phật - giáo Ân - độ, bản dịch của Thích Nguyên - Hồng).

### III.— SỨC MẠNH VÀ SỰ TỒN TẠI CỦA NGHIỆP

Nghiệp - lực không có hình tướng, không ai có thể trông thấy được, nhưng nó có một tác dụng vô cùng mãnh liệt.

Như điện-lực, tuy không trông thấy được hình dáng ở đâu và như thế nào, nhưng khi đã đủ điều-kiện thì nó phát sinh ra nào ánh sáng, nào sức nóng, nào hơi

lạnh, náo sức mạnh v.v... nghiệp-lực thúc đẩy người này thích hoàn cảnh này, người kia thích hoàn cảnh khác. Nó là nòng cốt của mọi tư-tưởng mọi lời nói, mọi việc làm. Chúng ta thường thấy có nhiều người quen thói đánh bạc, nhiều lần thua lỗ, vợ con khóc lóc, bạn bè khuyên bảo, đã quyết tâm xa con bài lá bạc nhiều lần, thè mà mỗi khi làm gì, cũng không quên được sòng bạc, đi đâu rồi cũng nhầm hướng như Kim-chung, Đại-thè-giới mà đèn! Người ta bảo rằng người ây có nghiệp đánh bạc. Những người nghiệp thuộc phiện, rượu, gái cũng có cái nghiệp riêng của họ cả. Càng đi sâu vào một con đường nào, thì cái nghiệp do con đường ây huân tập càng nặng nề, mãnh liệt chừng này.

Nghiệp không phải chỉ có sức mạnh mà còn tồn tại dai-dẳng, không bao giờ châm dứt, nếu chưa giác- ngộ. Điều này cũng rất dễ hiểu: có nghiệp-nhân thì tất có nghiệp quả, nghiệp-quả khi đã phát hiện thì lại làm nhân cho nghiệp quả sau, cứ xoay vần như

thè mãi, như một bánh xe lăn xuồng dốc, sức đẩy của vòng thứ nhất làm nhân cho vòng lăn thứ hai, sức đẩy của vòng lăn thứ hai làm nhân cho vòng lăn thứ ba, và cứ tiếp tục như thế mãi cho đèn bao giờ hết dốc mới dừng nghỉ.

Nghiệp cũng nằm trong luật nhân-quả và bị chi phối của luật nhân-quả. Trong chương một, chúng ta đã biết thời-gian từ khi nhân phát sinh đèn khi quả hình thành, có khi nhanh, khi chậm, thì thời-gian từ nghiệp-nhân đèn nghiệp-quả cũng có khi mau khi chậm, có khi chỉ trong một đời, có khi hai đời, có khi nhiều đời. Nhưng dù chậm hay mau, đã gây nghiệp thì thè nào cũng chịu quả báo. Khè kinh có dạy: «giả sử trăm nghìn kiếp, nghiệp nhân đã làm cũng không mất, khi nhân-duyên hội ngộ, thì quả-báo đèn».

#### IV.— CÁC LOẠI NGHIỆP

Đứng về phương-diện thời-gian, kinh «Nhân-quả» có chia các nghiệp như sau:

**1.- Thuận hiện nghiệp:** Đời nay tạo nghiệp, đời sau thọ quả.

**2.- Thuận sinh nghiệp:** Đời nay tạo nghiệp, đời sau chịu quả.

**3.- Thuận hậu nghiệp:** Đời nay tạo nghiệp, cách mày đời sau mới chịu quả.

**4.- Thuận bất định nghiệp:** Nghiệp-quả xảy đến không nhất định thời nào, có khi trong đời nay, có khi đời sau, có khi nhiều đời sau.

Đứng về phương diện tánh chất, trong các kinh thường phân loại các nghiệp như sau :

*1.- Tích-lũy nghiệp:* Là những nghiệp tạo tác trong nhiều đời trước chất chứa lại.

*2.- Tập-quán nghiệp:* Là những nghiệp tạo trong đời hiện-tại, luôn luôn tiếp diễn, nên thành thói quen, thành tập-quán, thành nề nếp riêng biệt.

*3.- Cực-trọng nghiệp:* Là những nghiệp quan trọng có năng - lực tác động mãnh liệt hơn cả các nghiệp khác và chi-phòi

tất cả. Nó phát hiện nghiệp quả ngay trong đời hiện-tại, hay trong đời kè-tiếp. Nó có thể là kết-quả của những hành-vi tốt đẹp nhất như hành-vi của kẻ tu hành chân chính, nó cũng có thể là kết-quả của những hành vi xấu xa, vô đạo nhất như tội ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm hại Phật và chia rẽ Tăng-chúng.

4.- *Cận-tử nghiệp*: Là những nghiệp-lực gần lâm-chung, cũng rất mãnh-liệt và chi-phòi rất nhiều trong sự đi đầu thai.

Đứng về phương-diện nặng nhẹ, lớn nhỏ của các nghiệp, thì trong các kinh cũng chia chẻ một cách rất khoa-học và hợp lý. Không phải rằng hành-động nào có hình-thức giống nhau thì nghiệp-nhân và nghiệp-quá đều giống nhau. Sự khinh trọng, lớn nhỏ của quả báo đều có căn-cứ nơi ý để thành-lập. Kinh Ưu-Bà-Tắc, trong khi nói về sự nặng, nhẹ, lớn nhỏ của nghiệp-nhân và nghiệp-quá, có phân chia làm bốn trường hợp :

1.- *Việc nặng mà ý nhẹ* : như khi

quăng đá đe dọa người, mà lõi tay giết phải người.

2.- *Việc nhẹ mà ý nặng* : như khi thây một tượng đá, tưởng là kẻ thù của mình, nắm dao đâm đâm, kết quả của việc làm vì tượng đá bị sứt mẻ, nhưng ý thì nặng là muôn giết người.

3.- *Việc và ý đều nhẹ* : như vì không thích một người nào, nên dùng lời đe châm-biếm người ấy.

4.- *Việc và ý đều nặng* : như vì thù, cõ ý giết người và đã giết thật.

Cũng trong kinh Uu-Bà-Tắc, có sự phân chia tội báo nặng nhẹ thành tám loại như sau :

1.- *Phương-tiện nặng nhưng căn-bản và thành-dĩ nhẹ* : như lầy dao dọa người, chẳng may động đền họ, họ bị thương. Phương-tiện (cầm dao) thì nặng, nhưng căn-bản (dọa người, chứ không phải ác ý) thì nhẹ và thành-dĩ (bị thương) cũng nhẹ.

2.- *Cǎn-bǎn nǎng, nhưng phuong-tien và thành-dī nhẹ*: như muôn giết người, nhưng chỉ lầy đá ném và vì thè, họ chỉ bị thương thôi. Cǎn bǎn (muôn giết) thì nǎng, nhưng phuong-tien (lầy đá ném) và thành-dī (vết thương) đều nhẹ.

3.- *Thành-dī nǎng, nhưng cǎn-bǎn và phuong-tien nhẹ*: như ném đá chơi, chẳng may vỡ sọ người ta. Thành-dī (vỡ sọ) nǎng mà cǎn-bǎn (chơi) và phuong-tien (ném đá) đều nhẹ.

4.- *Phuong-tien và cǎn-bǎn nǎng, thành-dī nhẹ*: như muôn giết người, chém một nhát mạnh vào yết-hầu, nhưng người ấy chỉ bị thương xoàng thôi. Phuong - tien (cầm dao chém) và cǎn - bǎn (muôn giết người) đều nǎng, nhưng thành - dī (vết thương xoàng) nhẹ.

5.- *Phuong - tien và thành - dī nǎng, cǎn - bǎn nhẹ*: như vô ý đέ xe cán người chết. Phuong - tien (xe cán) và thành - dī (người chết) đều nǎng, nhưng cǎn-bǎn (vô ý) thì nhẹ.

6.- *Căn-bản và thành-dĩ nặng, nhưng phương-tiện nhẹ*: như ác ý nói láo, đèn nỗi kẽ kia phải bị tù tội. Căn - bản (ác ý) và thành-dĩ (tù tội) đều nặng, nhưng phương-tiện (nói láo) thì nhẹ.

7.- *Căn-bản, thành-dĩ và phương-tiện đều nặng*: Muốn giết người và đã dùng dao chém người đèn chêt. Căn-bản (muốn giết người) thành-dĩ (người chêt) và phương-tiện (chém) đều nặng.

8.- *Căn-bản, thành-dĩ và phương-tiện đều nhẹ*: như giả giết bằng cách quơ dao làm người kia sợ trong chõc lát. Căn-bản (giả giết) thành-dĩ (làm sợ-hãi) và phương-tiện (quơ dao) đều nhẹ.

Sự phân chia rõ ràng trên này đủ cho chúng ta thấy được sự sai khác nặng nhẹ của nghiệp-nhân và quả. Theo đó, chúng ta có thể kết luận rằng sự khinh trọng của nghiệp-báo đều dựa căn-bản ở ý. Và như thế, chúng ta đừng lầm lẫy tự hỏi tại sao hai người cùng làm một việc giống nhau, mà họ quả-báo lại khác nhau; hành-động giống

nhau là bên ngoài, chứ tác ý ở bên trong làm sao chúng ta biết được? Vì thế, chúng ta không nên nhìn bên ngoài mà phê-phán được.

## V.— KHÔNG NÊN LÀM TƯỞNG NGHIỆP LÀ HƠN

Có người nghĩ rằng nghiệp chi-phối tất cả đời sống con người, nghiệp là chủ-động, nghiệp tồn tại mãi mãi, thì nghiệp chẳng khác gì linh-hồn bắt tử. Đó là một quan-niệm sai-lầm. Đạo Phật không bao giờ công-nhận có linh-hồn bắt tử. Đạo Phật đã chủ-trương mọi sự mọi vật, đều vô-thường, thì không lý nào lại công nhận có một linh-hồn vĩnh viễn trường tồn, bắt biền.

Theo đạo Phật, con người là một sự tổ hợp của năm nhóm (ngũ uẩn) vật-chất và tinh-thần: sắc (xác thân) và thọ, tưởng, hành, thức (tinh-thần). Năm nhóm này biến đổi từng phút từng giây như một dòng nước. Khi mệnh chung, những nhóm ấy tan rã, nhưng kết-quả của những hành-động về thân, khẩu, ý của người ấy vẫn còn tác-động,

Cái còn lại đó là nghiệp. Cái nghiệp này chất chứa những ước-vọng thâm kín, nhưng mãnh-liệt nhất của con người, là sự tham sòng và sự luyến ái. Nên biết một kẻ tự-tử, cũng không phải là đã hết muôn sòng. Họ không muôn sòng cái đời họ đang sòng nên họ muôn chầm dứt nó để sòng một đời sòng khác tốt đẹp hơn. Và như thế, động-lực của sự tự-tử vẫn là do lòng tham sòng mãnh-liệt hơn. Lòng tham sòng và ái-dục là những nguyên-nhân chính của những hành-động của con người lúc sòng, thì khi chết, cái kết-quả của những hành-động ấy vẫn là lòng tham sòng và ái-dục. Do lòng tham sòng và ái-dục ấy, nên khi mệnh-chung, nghiệp-lực rời bỏ thân xác này và đi tìm một thân xác khác gá vào để thỏa mãn những ước-vọng tham-dục của mình. Đó là nguyên-nhân của kiếp sau. Như thế, không cần có một linh-hồn bắt biển mới có đời sau. Sự nỗi tiếc từ đời này sang đời khác là do ở nghiệp cả. Nghiệp là động-lực chính của dòng sinh-mạng nỗi tiếc từ kiếp này sang kiếp khác, cũng như gió là nguyên-nhân

làm cho sóng dậy và tiếp nồi từ làn này sang làn khác. Bao giờ còn gió nghiệp thì còn sóng đời. Gió nghiệp dừng nghỉ thì biển đời sẽ thành tĩnh. Và khi ấy sẽ không còn sóng chèt, đây với gì cả.

## VI.– HÀNH-TƯỚNG CỦA NGHIỆP - LỰC TRONG KHI ĐI ĐẦU THAI

Sau khi một thân mạng đã trút hơi thở cuối cùng, nghiệp-lực rời bỏ thân mạng ấy để đi tìm một thân mạng khác gá vào. Dắt dẫn bởi ái-dục, nó đi tìm những cuộc giao phôi giữa nam nữ. Nghiệp-nhân quá-khứ như thế nào thì nó đi tìm hoàn-cảnh thích hợp với nghiệp-nhân như thế ấy. Hoàn-cảnh ấy đạo Phật gọi là y-báo. Y-báo có thể sáng - sửa hay tồi - tăm, an vui hay buồn thảm, thanh tịnh hay ô-uê... tùy sự lựa chọn thích hợp của nghiệp quá khứ. Như luồng điện phát ra ở đài phát-thanh ngắn hay dài, bao nhiêu thước tắc thì nó sẽ tìm máy thu thanh văn đúng thước tắc ấy để vào. Chỉ có khác là luồng điện có thể vào

một lúc nhiều máy thu thanh, còn nghiệp-lực thì chỉ đi đầu thai ở một nơi mà thôi. Một cái thai đậu được phải đủ ba yêu-tô: tinh trùng của cha, trùng của mẹ, thần-théric và nghiệp-lực.

Thiều một trong ba yêu-tô ấy, thai không thành. Khi thai đã thành là một đời mới bắt đầu. Nói là mới, nhưng thật ra cái đời sau này vẫn còn mang những mầm giồng của nghiệp - nhân quá - khứ. Những nghiệp-nhân này cứ tuần tự theo với thời-gian và tùy hoàn-cảnh mà phát triển dần. Những nghiệp - nhân nào vì chưa đủ trợ duyên để phát hiện ra nghiệp - quả trong đời này, thì có thể phát sinh trong một đời sau, nêu hội đủ nhân-duyên.

Trên đây, chúng tôi chỉ nói riêng về cái hành-tướng của nghiệp-lực trong khi đi đầu thai ở cảnh-giới người.

Nhưng một nghiệp - lực không phải chỉ quanh quẩn trong cảnh-giới người, mà có thể đi tìm một cảnh-giới khác trong sáu cảnh-giới mà đạo Phật thường nói đền, là;

Thiên, Nhân, A-tu-la, Ngạ quỷ, Súc-sinh  
và Địa-ngục.

Đèn đây, chúng ta thảy mở ra trước  
mắt chúng ta một vần-đề rộng rãi bao quát  
hơn. Đó là vần-đề luân-hồi, mà chúng tôi  
xin trình bày ở chương sau.



*Sachvui.Com*

[www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

*Sachvui.Com*

CHƯƠNG BA  
**LUÂN-HỒI**

I.— ĐỊNH NGHĨA

Luân-hồi dịch ở tiếng Phạn là Samsara (lưu chuyển). Theo chữ Hán thì luân là bánh xe, hồi là xoay tròn. Hình ảnh bánh xe quay tròn là một hình ảnh rất rõ ràng mà Phật đã dùng để hình dung sự xoay chuyển lên xuống của chúng-sanh trong sáu cõi (lục đạo) và sự tiếp nối sanh tử, tử sinh không cùng tận trong sáu cõi ấy. Luân-hồi hay Samsara là một danh-từ, một hình ảnh do Phật đặt ra, nhưng cái nội-dung của nó là một sự thật, một trạng-thái có thật trong cõi đời, có thể chứng nghiệm được, chứ không phải là một lý-thuyết xây dựng trong không tưởng. Khi chúng ta đã chứng nghiệm thấy được luật nhân-quả trong vũ-

trụ, thì chúng ta cũng phải công nhận sự luân-hồi, luân-hồi chẳng qua là nhân-quả liên-tục, nhưng vì khi nó biến, khi hiện, khi lên, khi xuống, khi mất, khi còn, khi thay hình đổi dạng, nên chúng ta tưởng như gián đoạn và không ảnh hưởng chi phôi lắn nhau.

## II.— DÂN CHỨNG SỰ LUÂN-HỒI TRONG MỌI SỰ VẬT

Trong vũ-trụ, tất cả sự vật, từ vật nhỏ như hạt bụi, đèn vật lớn như quả địa-cầu, không vật nào chẳng luân-hồi.

**1.- Đất luân-hồi:** Như cái bình bông đang ở trước mặt chúng ta đây, trước kia nó là đất, người thợ gốm đem nó nhồi nặn làm thành cái bình. Trải qua một thời-gian, cái bình sẽ bị bể nát, tan thành cát bụi và trở về lại trạng thái đất cát. Đất cát này làm thức ăn cho cây cỏ, cây cỏ hoặc tàn rụi sau một thời gian để trở thành phân bón hay đất cát, hoặc làm thực phẩm cho động vật. Động vật ăn cây cỏ này vào hoặc bài tiết

ngay ra ngoài để thành phân, thành đất hoặc biến thành máu huyết da thịt, để một ngày kia thân thể động-vật già yếu, sẽ tan rã thành đất cát lại. Bao nhiêu lần thay hình đổi dạng, vì nhân-duyên này hoặc nhân-duyên khác, nhưng đất cát, nó cũng lại trở thành đất cát sau một thời gian, sau một vòng luân chuyển dài hay ngắn.

**2.- Nước luân-hồi :** Nước ở biển bị sức nóng mặt trời bốc thành hơi, hơi bay lên không, gặp hơi lạnh biến thành mây, mây nhiều tụ lại rơi xuống thành mưa, mưa chảy xuống ao hồ, hoặc gặp hơi lạnh quá, động lại thành băng thành gián. Băng giá gặp hơi nóng mặt trời tan ra nước lại. Từ vô thiền nay, nước thay đổi trạng thái biệt bao nhiêu lần, xoay vần mãi mãi như vậy, nhưng nước vẫn là nước. Hiện-tượng của nước thì biến đổi vô cùng, nhưng bản-thể của nước thì không bao giờ mất. Nó chỉ luân-hồi mà thôi.

**3.- Gió luân-hồi :** Gió là sự luân chuyển của không khí. Không khí bị sức

nóng mặt trời bốc cháy, dãn ra, bốc lên cao làm thành những khoảng trống, để bù vào khoảng trống ấy, không khí ở các nơi khác chạy tới điền vào, gây thành luồng gió. Không khí xê dịch chậm thì gió nhỏ, không khí xê dịch nhanh thì gió lớn, xê dịch nhanh nữa thì thành bão. **Gió** có khi hiu hiu, khi thoang thoảng, khi hay hẩy, khi ào ào, khi cuốn cuộn, nhưng bản chất của nó bao giờ cũng là sự rung động của không khí.

**4.- Lửa luân-hồi:** **Lửa** là một **sức nóng** làm cháy được vật. Khi đủ nhân-duyên thì **sức nóng** phát ra **lửa**. Chẳng hạn hai thanh cùi trong trạng thái bình thường thì chúng ta chẳng thấy **sức nóng** ở đâu cả, nhưng khi chà xát vào nhau một hồi thì **lửa** liền bật lên. **Ngọn lửa** này có thể đốt cháy hai thanh cùi này một phần hóa thành tro than, một phần biến thành thán khí. Những cây khác dùng rẽ mình để thu hút tro than, và dùng lá để thu hút thán khí, chất chứa lại **sức nóng** để một ngày kia, gấp đủ nhân-duyên lại **bùng cháy** lên. Như thế **sức nóng** bao

giờ cũng có sẵn, nhưng khi thì nó ở trạng-thái tiêm phục, khi thì ở trạng-thái phát hiện thành lứa. Mắt chúng ta chỉ thấy khi nó phát hiện và chỉ khi ấy mới cho là nó có, còn khi nó ở trạng thái tiêm phục thì ta bảo là nó không có. Thật ra thì nó chỉ luân-hồi qua những trạng-thái khác nhau, chứ không phải dứt đoạn hay mất hẳn.

**5.- Cảnh-giới luân-hồi:** Trong kinh Phật thường chép: «thè-giới nhiều như cát sông Hằng». Thật thè, ban đêm chúng ta nhìn lên trời, thấy hằng-hà sá-sô tinh-tú. Mỗi tinh-tú là mộtè-giới. Và mỗiè-giới ấy đều không thoát ra ngoài định luật chung là thành, trụ, hoại, không. Mỗi phút giây nào cũng có những sự sanh diệt củaè-giới. È-giới này tan đi, thì mộtè-giới khác nhóm lên, như một làn sóng matsu đi thì một làn sóng khác nổi lên, làm nhân làm quả, tiếp nỗi nhau, luân-hồi không bao giờ dứt.

**6.- Thân người luân-hồi:** Thân người, hay thân thú-vật cũng thè, xét cho cùng thì

cũng do từ đại mà có, là : đất, nước, gió, lửa. Những chất cứng dẻo như da, thịt, gân, xương là thuộc về đất; những chất đượm ướt như máu, mồ, mồ hôi, nước mắt là thuộc về nước; hơi thở ra vào, trái tim nhảy, phổi hô hấp, tay chân cử-động là thuộc về gió; hơi nóng trong người là thuộc về lửa. Như trên chúng ta đã thấy, từ-đại đều luân-hồi thì thân người do từ-đại mà có, cũng phải luân-hồi theo. Khi thân này chết và đèn lúc tan rã, thì chất cứng dẻo trả về cho đất, chất đượm ướt trả về cho nước, hơi nóng trả về cho lửa, hơi thở và sự cử động trả về cho gió. Rồi bồn chất này tùy theo nhân duyên chung hợp lại, làm thành cây cỏ hay thân người khác. Người đèn khi chết rồi, bồn chất đó cũng trở về bản-thể cũ của chúng. Khi thành thân người, lúc làm thân súc, nǎm nay tụ hợp ở đây, sang nǎm đã dời nơi khác, không phải thường còn, cũng không phải mất hẳn mà là luân-hồi.

Nhà học-giả có tiếng-tăm của Trung-Hoa là ông Lương - khái - Siêu trong khi

nghiên-cứu về Phật-giáo Ân-độ ông có nói:  
«... Con người luôn luôn, trong từng phút  
giây, đều ở trong luân-hồi, bất quá hoặc mau  
hoặc chậm. Chậm thì gọi là sanh diệt, hoặc  
biền dì, còn mau thì gọi là luân-hồi (luân-hồi  
chẳng qua cũng là một hình thức trong các  
loại biền dì). Xem như xác thân chúng ta, biền  
hóa không ngừng, xương thịt máu huyết  
chúng ta ch chẳng qua không đầy một tuần cũng  
có thể hóa ra đât-đai, bụi bặm bên đường».

**7.- Tinh thần luân-hồi:** Con người  
không phải chỉ gồm có tú-đại. Ngoài tú-  
đại còn có phần tâm-lý nữa, hay nói một  
cách tổng quát hơn, còn có tinh-thần. Đó là  
gồm tất cả những thứ mà đạo Phật gọi là:  
thọ, tướng, hành, thức.

Phần thể xác gồm tú-đại chỉ là phần  
mà đạo Phật gọi là sắc. Sắc đã không tiêu  
diệt mà chỉ biền hóa luân-hồi, thì tâm hay  
tinh-thần cũng không tiêu diệt mà chỉ  
biền chuyển, xoay vần mà thôi.

Như trong chương II đã nói, tất cả  
những hành động của thân tâm tạo thành

cho mỗi chúng ta một cái nghiệp. Cái nghiệp  
ày biến dịch, xoay vần mãi, khi đội lốt này,  
khi mang hình-dáng khác, khi rời cảnh-giới  
này, khi vào cảnh-giới khác, quay lộn, trôi  
lăn trong lục-đạo (sáu đường) mãi mãi cho  
đến ngày nào được giác ngộ mới thôi.

Những sự lên xuống, trôi lăn, xoay vวน  
của nghiệp trong ba cõi, sáu đường ày  
không phải tình cờ, ngẫu nhiên, may rủi,  
vô lý, mà trái lại, nó chịu theo, khuôn theo  
một cái luật chung, đó là luật nhân-quả.

Đến đây, chúng ta thấy được sự tương-  
quan mật thiết giữa nhân-quả và luân-hồi :  
đã có nhân-quả, tức phải có luân-hồi (trừ  
trường hợp tu nhân thành Phật) đã có luân-  
hồi tất phải tuân theo luật nhân-quả.

Dưới đây chúng ta sẽ đề cập đến vấn-  
đề ày một cách rõ ràng hơn.

### III.— LUÂN-HỒI THEO NHÂN-QUẢ

Có thể nói một cách chắc-chắn rằng,  
chúng ta lúc sinh tiền tạo nhân gì, thì khi  
chèt rồi, nghiệp-lực dắt dẫn tinh-thân đến

chỗ đó thọ quả-báo không sai. Nếu tạo nhân tốt, thì luân-hồi đền cảnh-giới giàu sang, thân người tốt đẹp. Còn tạo nhân tội ác thì luân-hồi đền cảnh-giới nghèo hèn, thân hình xấu xa, đen đúa, hoặc tàn tật, khi thăng khi giáng, lúc bồng lúc trầm...

Sanh ở một cảnh nào, không phải sẽ ở luôn cảnh-giới ấy. Nhân có hạn thì quả cũng có chừng. Như người nǎm trái banh liệng lên hir-không, khi trái banh đi hết cái sức của nó, tất sẽ rơi xuống đất lại. Chúng-sanh ở cõi trời, hay cõi súc-sanh, địa-ngục cũng thè, hẽ nghiệp-quả hết thì nghiệp-nhân bắt đầu trở lại. Trong khi hưởng quả tốt, nếu không gặp rủi-ro túc gây nhân lành thì đời sau chắc sẽ không còn ở trong cảnh-giới tốt đẹp r.õa. Nếu muôn trái banh một khi liệng lên đừng rót xuống đất lại thì ta phải chạy theo nó hứng lầy và liệng lên lần nữa. Cho nên vẫn để chính là phải luôn luôn cố gắng vượt lên mình, nếu muôn mình được vượt lên cao hơn cảnh-giới hiện tại. Một điều mà chúng ta không bao giờ nên quên là: mỗi

chúng-sanh là một tay thợ tự xây dựng đời mình trong quá-khứ, hiện-tại và tương-lai.

Dưới đây là những cảnh-giới mà một chúng-sanh có thể bị hay được nhập vào, tùy theo nghiệp-nhân mà mình đã tạo.

Sa- éc

Wednesday, December 09, 2015

## NHÂN-QUẢ LUÂN-HỒI TRONG SÁU CỐI PHÀM

**1.- Địa-ngục:** Tạo nhân **sân hận, độc ác** làm nhiều điều tội lỗi vừa hại mình vừa hại người, phải luân-hồi vào địa-ngục, chịu đủ điều khổ sở.

**2.- Ngạ-quỉ:** Tạo nhơn **tham lam, bón xén**, không biết bồ-thí giúp đỡ người, từ tiền của đèn giáo pháp. Trái lại, còn mưu sâu, kè độc, để cướp đoạt của người, sau khi chết luân-hồi làm ngạ-quỉ.

**3.- Súc-sinh:** Tạo nhân **si-mê, sa-đọa** theo thắt tình lục dục, tửu, tài, sắc, khí, không xét hay dở, tốt xấu, chết rồi luân-hồi làm súc-sinh.

**4.- A-tu-la:** Gặp việc nhân nghĩa thì làm, gặp việc sai quay cũng không tránh, vừa cang trực, mà cũng vừa độc ác. Mặc dù có làm những điều phước thiện, nhưng tánh tình **hung-hăng nóng-nẩy** vẫn còn, lại thêm tà-kiền, si-mê, tin theo tà giáo. Tạo nhân như vậy, kêt-quả sẽ luân-hồi làm A-tu-la, gặp vui sướng cũng có mà buồn khổ cũng nhiều.

**5.- Loài người:**

- a) Biết giữ-gìn lòng nhân từ, không sát nhân hại vật, làm những điều đau khổ cho người.
- b) Không tham-lam trộm cướp tiền của, từ vật lớn như ngọc, ngà, châu, báu, đến vật nhỏ như cây kim, sợi chỉ.
- c) Không trêu hoa ghẹo nguyệt, dâm loạn vợ con, phá hại cang của người.
- d) Không nói lời đồi trú, xảo quyết, thêm bớt, đâm thọc, không nói lời cộc cằn, thô tục.

đ) Không rượu trà say sưa, làm những điều lầm lỗi. Tu nhân ngũ-giới như vậy, đời sau sẽ luân-hồi trở lại làm người, cao quý hơn muôn vật.

**6.- Cõi trời:** Bỏ 10 điều ác: không sát sinh, hại vật, không trộm cướp, tà dâm, không nói lời đâm thọc, hung ác, dối trá, thêu dệt, không tham dục, giận hờn và si mê. Trái lại, còn làm 10 điều lành là: phóng sinh, bồ-thí, giữ hạnh trinh-tiết, nói lời chắc-chắn, đúng lý và nhu hòa, trau giồi đức hỷ-xả, từ-bi và trí huệ. Tu nhơn thập thiện như vậy, thì sau khi chết được sanh lên cõi trời. Nhưng nên nhớ cõi trời này cũng còn ở trong vòng phàm tục, chịu cảnh sành tử Luân-hồi.

Muôn thoát ra ngoài cảnh sanh-tử luân-hồi và đền bùn cõi thánh thì phải tu nhân giải-thoát.



CHƯƠNG BỐN

NHỮNG BẰNG-CHỨNG VỀ LUÂN-HỒI

I.— MỘT CHUYỆN LUÂN-HỒI Ở ÂN-ĐỘ

Cách đây vài chục năm, tờ báo Mai có chụp hình và đăng một câu chuyện như sau :

Tại Ân-độ, ở thành Delhi (đen-ly) có một cô gái 8 tuổi tên Phanti Devi (Phǎn-ti Đò-vi). Cô đã nhiều lần khóc lóc với cha mẹ đòi về thành Mita thăm chồng là một giáo-viên. Thành Delhi cách thành Mita trên 200km. Cha mẹ cô gái l่าย làm lạ, mời một phóng-viên nhà báo đèn để nhờ anh điều tra giùm.

Phóng-viên nhà báo đèn hỏi, thì được cô cho trả lời rằng: cô là vợ của một giáo-viên, ăn ở với nhau sanh được một đứa con. Khi đứa con lên 11 tuổi thì cô lâm bệnh từ-trần. Người phóng-viên hỏi xem cô ta có gì làm bằng chứng không? Cô trả lời là cô có để lại vàng bạc và đồ-đạc chôn ở chỗ nọ chỗ kia... và cô còn nhớ rõ có một cái quạt do người chị em bạn tặng, trên quạt có ghi lại

mày dòng chữ, rồi cô đọc mày dòng chữ  
ày cho phóng-viên chép vào sổ tay.

Phóng-viên liền đèn thành Mita, tìm  
hỏi tên họ ông giáo-viên, thì thật quá không  
sai. Phóng - viên hỏi ông giáo :

— Ông có người vợ đã chết độ 8, 9  
năm nay phải không ?

Ông giáo trả lời :

— Vâng, có ! Vợ tôi chết nay đã chín-  
năm. Chẳng biết ông hỏi có việc chi ?

Phóng-viên trình bày những lời cô bé  
đã nói.

Ông giáo nghe đều cho là đúng cả.

Phóng viên lại lấy quyển sổ tay đưa  
mày dòng chữ cho ông giáo đọc và hỏi :

— Khi vợ ông mất, có để lại một cây  
quạt, trên ày có ghi mày dòng chữ như thế  
này có phải không ?

Ông giáo trả lời :

Trúng y như vậy cả.

Qua ngày sau, phóng-viên lại mời cha  
mẹ và cô Phanti Devi cùng đi xe tới thành  
Mita. Từ khi sanh ra đèn tám tuổi, cô chưa

từng đi xa, thè mà đường đi trong thành Mita cô đều thuộc cả, cô chỉ đường này là đường gì, đi về đâu, đường kia tên gì, đi về đâu, và còn nói trúng cả tên những nhà quen ở hai bên đường nữa. Gần đèn nhà ông Giáo, cô bảo xe đi chậm lại và dừng ngay trước nhà ông Giáo.

Vào đèn nhà, gặp một ông già độ 80 tuổi, đầu tóc bạc phơ, cô vừa mừng vừa khóc-oà mà nói rằng :

— Đây là cha chồng của tôi.

Cô chỉ ông Giáo mà nói :

— Kia là chồng tôi.

Rồi cô chạy lại ôm đứa con 11 tuổi khóc và nói :

— Đây là con tôi !

Mọi người trông thầy, ai cũng đều cảm động.

Việc này làm sôi nổi cả dư luận Ân-dộ và các báo trên thế-giới, đều bàn tán xôn-xao... Các nhà bác-học ra sức tìm tòi, nghiên-cứu, nhưng không một ai giải thích được. Chúng ta đã rõ biết lý luân-hồi, thì việc này cũng chẳng lầy làm lạ.



Cô PHANTI DEVI đứng giữa, Đại-đức Thiện-Châu đứng bên mặt, còn bên trái là người chị dâu kiếp này của cô.

\*\*\*

Trong khi du học tại Ấn-Độ, Đại-đức Thiện-Châu có tìm đến nhà cô Phanti Devi (1964); Sự thật đúng như bài trên đã viết.

## II.— MỘT CHUYỆN LUÂN-HỒI TẠI MỸ

Vào khoảng năm 1956, ở Mỹ có một thiều-phụ 33 tuổi, tên «Xi-Mông» (Ruth Simmons) vì quá tin-tưởng có kiếp Luân-hồi, nên đã nhờ nhà thôi-miên «Mô-rây Bết-tanh» (Morey Bernstein) giúp cô được thầy lại kiếp trước của cô. Nhà thôi-miên kia, sau khi đưa cô vào giấc ngủ, liền bảo :

— Thứ nhớ lại hồi 10 tuổi, cô đã làm gì !

Cô Xi-Mông, trong cơn mê nói lại thuở thiều niên của cô, những lúc cô đi học và tả ti-mi những lúc cô nô-đùa với bạn. Nhà thôi-miên lại bảo :

— Bây giờ thứ nhớ lại lúc cô mới 1 tuổi, cô thầy gì !

Cô trả lời bằng những tiếng bập-bẹ, y như đứa trẻ chưa biết nói. Nhà thôi-miên lại dồn hết tinh-thần vào cặp mắt, nhìn thẳng vào mặt cô Xi-Mông và nói :

— Thứ nhớ lại tiền kiếp của cô !

Sau một lúc im lặng, cô Xi-Mông mới nói, nhưng giọng nói của cô đã đổi khác,

giọng Ái-nhì-Lan (ở Anh-Quốc), chứ không phải giọng người Mỹ.

Cô kể lại rằng: «kiếp trước cô đầu thai vào gia đình họ «Mướt-phi» (Murphy) ở làng «Cót» (Cork) bên Ái-nhì-Lan vào năm 1789. Cô tả nơi chôn nhau cắt rún của cô và cho biết nhiều chi tiết khác về làng này. Cô nói thêm rằng chồng cô tên «Mắc-cá-Ty» (Brian Mac Carthy), giáo-sư trường luật đã từng cộng sự với tờ báo «Ben-phát niu» (Belfast Nes). Rồi sau cùng cô nói đèn ngày cô chết, mà cô hiện ở đâu và cô phải làm ma hơn một thè-ký. Sau đó, cô đầu thai vào gia đình họ «Xi-Mông» (Simmons) ở Mỹ, hồi năm 1923.

Nhà thôi-miên đã thâu tóm cả lời nói của cô Xi-Mông về tiền-kiếp của cô và sau đó viết một quyển sách nhan-đe là: «đi tìm gốc tích cô Mướt-phi (Murphy)». Sách này in ra 170 ngàn cuốn và chỉ trong 3 tháng đã bán sạch. Sau đó, nhà thôi-miên lại lấy lời thuật chuyện của cô «Xi-Mông» thâu vào

ba mươi ngàn (30.000) đĩa nhựa và chỉ trong hai ngày đã bán sạch.

Chuyện này báo chí quốc-tế đều có đăng tin, riêng ở Pháp có tờ « Ba-lê-Mách » (Paris Math) thuật lại rất rõ, ở Việt-Nam cũng có nhiều tờ nói đèn như tờ Tin-Điền, tờ Liên-Hoa v.v... Sa- éc

Wednesday, December 09, 2015

### III.— MỘT CHUYỆN LUÂN-HỒI Ở PHÁP

Một Bác-sĩ Pháp, ông « Mô-rít đờ-la-ri » (Maurice Delarry) vốn là người hoài nghi về thuyết luân-hồi, nhưng sau một thời gian khảo cứu rất công-phu, đã viết trong tạp-chí « Thần-linh học » xuất bản hồi năm 1748 về sự luân-hồi như sau:

Ban đầu ông không tin có kiếp luân-hồi, nhưng sau một thời-gian thí nghiệm bằng cầu cơ, ông phải công nhận kiếp luân-hồi có thật. Đây ông Mô-rít-đờ-la-ri kể:

— Một hôm tôi và vợ tôi đang cầu cơ thì bỗng chiếc xe lay động lần lượt chỉ vào 5 chữ F.E.L.I.X. rồi ngừng lại, tức là kể

khuất mặt tên Phê-lít (Félix) đã nhập vào cơ. Chúng tôi liền hỏi:

— Ông Phê-lít muôn gì?

Trả lời:

— Tôi cho ông bà hay tôi sẽ trở lại trong họ hàng ông bà trong một ngày gần đây.

Hỏi:

— Tại sao vậy? Tại sao trở lại trong họ hàng chúng tôi:

Trả lời:

— Phải! Trong gia-đình ông bà.

Hỏi:

— Họ hàng chúng tôi đông đảo quá, đi ở rải rác mỗi người một nơi. Vậy ông có thể cho biết chắc chắn ông sẽ xuất hiện ở xứ nào không?

Trả lời:

— Tại xứ P. (Bác-sĩ Mô-rít vì một lẽ riêng, không muôn nói rõ xứ này) và trong gia-đình ông Y. (ông Y đây là bà con với bà

vợ Bác-sĩ Mô-rít, nhưng Bác-sĩ cũng giàu tên, vì sợ động chạm đèn đèn đòi tư không hay của gia-dinh khác).

Hỏi :

— Chắc chắn ông sẽ vào gia-dinh ông Y... bà con chúng tôi ?

Trả lời :

— Phải ! hiện nay gia-dinh ông Y có hai đứa con gái.

Hỏi :

— Ông có biết tên chúng không ?

Trả lời :

— Có ! (rồi kè vô hình nói đúng tên hai đứa con gái của người bà con bà «Mô-rít», nói đúng cả ngày sinh tháng đẻ của chúng nữa).

Hỏi :

— Ông có thể cho biết chắc chắn ngày nào ông sẽ ra chào đời trong gia-dinh ông Y không ?

Trả lời :

— Ngày 24 tháng 9 năm 1924 vào buổi mai.

Hỏi :

— Nhưng làm thế nào để biết chính ông đã đầu thai làm con trong gia đình ông Ý?

Trả lời :

— Cô J. (tức là tên vợ của Bác-sĩ Mô-rít mà ông cũng giàu tên luôn) sẽ được biết khi nhìn thấy tai bên mặt của tôi, vì chính tôi là « Phê-lít » (Félix), đứa tớ trung-thành của ông bà thân-sinh của cô J. đây.

Cuộc đồi thoại giữa Bác-sĩ Mô-rít và kẻ khuất mặt tên Félix được Bác-sĩ biên chép kỹ-càng từng câu một để sau này xem có đúng không.

Bây giờ vào khoảng tháng 5 d.l. vợ chồng Bác-sĩ « Mô-rít » không mảy may hay biết người chị họ (của bà Bác-sĩ) có thai.

Cho đến ngày 24 tháng 9 năm 1947 nghĩa là cách đó bốn tháng, vợ chồng Bác-sĩ tiếp được điện-tín từ xứ P. đánh về cho hay

người chị họ vừa hạ sanh một trai hồi 8 giờ sáng ngày nói trên.

Thè là rất đúng với lời của kè khuất mặt «Phê-lít». Nhưng Bác-sĩ không muôn cho vợ chồng người chị họ biết rằng chính ông bà đã biết trước việc này.

Ba tháng sau, vợ chồng Bác-sĩ Mô-rít được chị họ mời qua xứ P. dự một buổi lễ trong gia-đình, luôn dịp để vợ chồng người chị họ đem đứa con trai mới sanh ba tháng ra giới-thiệu với họ hàng.

Vợ chồng Bác-sĩ Mô-rít vừa đèn nôi thì vợ chồng người chị họ liền đưa ông bà vào phòng để xem mặt đứa bé. Khi bà Bác-sĩ đèn gần chiếc nôi thì thằng bé nhìn bà mím cười, mà nước mắt cứ tuôn ra, rồi nó đưa tay về phía bà Bác-sĩ đòi ấm. Vợ chồng người chị họ rất đời ngạc-nhiên, vì thường khi không bao giờ con mình chịu người lạ, thè mà lần này, mới gặp bà Bác-sĩ nó lại đòi ấm.

Vợ chồng Bác-sĩ Mô-rít thì không lạ gì với thằng bé, nhưng không dám nói sự thật

ra cho vợ chồng người chị họ biết về kiếp luân-hồi của tên lão bộc Phê-lít, sợ rằng gia đình người chị họ cho mình quá tin dị-doan chăng.

Khi nhìn thấy miềng vải băng ngang đầu đứa bé, vợ chồng Bác-sĩ đã đoán biết một phần nào đúng như lời lão bộc Phê-lít đã nói trong lúc cầu cơ, nên Bác-sĩ giả vờ hỏi:

— Tại sao lại băng đầu nó? Chắc lại sanh ghê chứ gì?

Người chị họ trả lời:

— Không, vì lúc sinh nó ra, nó có tật nơi tai, vành tai chỉ dính vào da đầu có chút xíu, nên tôi có nhờ Bác-sĩ chữa. Bác-sĩ bảo xúc thuỷt băng lại trong một thời gian thì liền lại.

#### IV.— MỘT CHUYỆN LUÂN-HỒI THỨ HAI Ở PHÁP

Một đứa bé gái mới ba tháng tên « Tê-re » (Thérèse) bỗng nhiên một hôm thốt lên tiếng « A - ru - pa » (Aroupa) cha mẹ đứa bé

không để ý, tưởng rằng con mình bặt-bé bậy bạ vậy thôi, nhưng về sau, có người cho biết «a-ru-pa» (Aroupa) có nghĩa là «trời» theo tiếng ÂN-ĐÔ.

Đến lúc lên hai, em bé Tê-re trong lúc chơi mua bán, có thốt ra tiếng «ru-pi» (Roupie). Tiếng này trong gia-đình không hề nghe ai nói tới. Thì mà Tê-re biết được, mới lạ.

Mười tháng sau nữa, trong khi mẹ Tê-re nói chuyện với một chị em bạn, cô Tê-re thường xen vào câu chuyện với những tiếng «Bapou». Bà bạn vốn là tín-đồ đạo Phật, rất lầy làm lạ hỏi mẹ Tê-re tại sao nó biết tên riêng của ông «Căm-địa» (Gandhi); vì tên «Bapou» chỉ có gia quyến thánh Căm-địa cùng tín-đồ ông gọi ông mà thôi, người ngoài ít ai biết được.

Mẹ cô gái Tê-re nghe nói càng thêm kinh ngạc. Bà bắt đầu tin có luân-hồi và từ đó, bà mua sách về thần học khảo-cứu, và bà có mua một bức hình của ông thánh «Dô-ga-măng-đa» (Yogamanda).

Khi nhìn thấy bức ảnh này, cô bé lớn :

— Con biết ông này! Lúc thánh Căm-địa còn sống ông thường đèn nói chuyện với thánh Căm-địa, có mặt con trong những lúc ấy.

Sau khi dọ hỏi những tín-đồ của thánh Căm-địa, mẹ cô bé Tê-re thấy lời nói của con mình là đúng sự thật. Lên năm tuổi cô bé bắt đầu ăn chay và không thích ăn bánh mì mà chỉ ăn cơm. Thỉnh thoảng cô lại kể một vài đoạn đời của thánh Căm-địa.

#### V.— MỘT CHUYỆN LUÂN-HỒI Ở ĐẢO « MÔ-RÍT » (MAURICE)

Chuyện sau đây do giáo-sư « Bít-xao-đoa - da » (Bissoundya) ở hải - cảng « Lu - i » (Port-Louis) tại đảo Mô-rít kể lại trong « tạp chí đầu thai luân-hồi ».

Tại làng « Cát-ten » (Castel) có một gia đình nọ sanh một đứa bé trai lên ba tuổi, đặt tên là « Sa-ta-na-đò-va » (Chatanàdeva).

Bỗng một hôm nó bảo nó không phải ở làng ấy. Cha mẹ và người lối xóm đều cười, vì cho nó nói bậy. Nó lại nhất định nói nó không phải tên «Sa - ta - na - đờ - va» (Chatanàdeva) mà là tên «Ri-ram Dăng-cô». (Sreeram-Jankoo). Lúc đó người ta mới lầy làm kinh-ngạc vì tên Ri-ram dăng-cô không phải lạ. Anh này bị chèt đuôi cách đây 3 năm, trong lúc đi thuyền đèn cù-lao «Pò-la-tò» (Plate).

Người ta hỏi nó tại sao nó biết có tên Ri-răm Dăng-cô thì nó thuật lại rằng:

— Tôi đang chèo thuyền đi ra cù-lao «Pò-la-tò» thì bị sóng đánh chìm và chèt đuôi giữa biển.

Lời thuật chuyện của thằng bé làm mọi người kinh-dị, vì thật đúng như thế. Rồi nó lại kể thêm những chi tiết về cảnh sống của Dăng-cô, nhất nhât đều đúng sự thật cả.

Câu chuyện này được đồn-đãi ra. Mẹ của anh chài lưới Dăng-cô ở làng bên, nghe được, liền tìm tới nhà thằng bé. Thằng

bé đang chơi, thày bà lão bước vào, nó mừng rõ reo lên và nhảy sô đèn ôm bà, la lớn :

— Mẹ ! Mẹ !

Sa- éc

Wednesday, December 09, 2015

## VI.— MỘT CÂU CHUYỆN THAY HỒN ĐỒI XÁC Ở VIỆT-NAM

Ở Cà-Mau, cách đây vào khoảng 30 năm, có một câu chuyện lạ-lùng đã làm dư luận bàn tán xôn-xao :

Ông cả Hiêu, ở làng Tân - Việt, xứ Đầm-Gioi (Cà-Mau) có một cô con gái mới 19 tuổi, lâm bệnh rồi chêt. Cách đó độ 100 km, ông Hương-Thừa ở làng Vĩnh-Mỹ (Bạc-liêu) cũng có cô con gái đau rồi chêt, nhưng lại sòng lại. Khi sòng lại, cô này nhìn không biết cha mẹ và nói những chuyện đâu đâu không ai hiểu gì cả, cha mẹ cô tưởng rằng vì cô đau nên lăng trí nói bậy. Nhưng khi cô lành mạnh hẳn, cô lại khóc lóc, một hai đòn về nhà ông cả Hiêu và chỉ luôn nơi ở, làng tổng rõ ràng nữa.

Chia mẹ cô cho người đèn tìm ông Cả Hiêu và thuật câu chuyện cho vợ chồng ông này nghe. Vợ chồng ông Cả và con cái trong nhà, nghe xong đều đi đèn xem thật hư như thế nào.

Khi mọi người đèn nơi, cô gái chạy ngay đèn ôm ông Cả, bà Cả khóc kẽ... Rồi cô thuật những việc đã xảy ra trong nhà ông Cả không sai một mảy. Vợ chồng ông Cả, tuy thày xác cô gái này không phải con mình, nhưng về tinh-thần lại chính là con họ, nên đều thương yêu và công nhận là con. Về sau, cô hưởng được hai phần giàu-tài của cả hai bên cha mẹ.



Những câu chuyện tương-tự như những bằng chứng đã kể ở đoạn trước nhiều không thể kể xiết.

Ngoài ra còn bao nhiêu vị thần-đông, những cậu bé có thiên tài xuất chúng ở rải-rác trong thè-giới và trong lịch-sử mà chúng ta thường nghe nói đèn như: Ông Pascal, một Triết-gia và một nhà Toán-học

Pháp, mới 7 tuổi mà đã thông phuong-pháp kỵ-hà-học, ông Mạc-đỉnh-Chi 12 tuổi đậu Trạng-nghuyên, nhạc-sĩ Mozart mới 7 tuổi đã biết đặt những bản nhạc hòa âm, ông «Kít-chang Hen-nét-kan» (Christian Heinecken) vài giờ sau khi ra đời đã nói chuyện được, khi lên 1 tuổi đã học thuộc lòng vài đoạn kinh Thánh-giáo trong cuộn thánh kinh, lên hai tuổi đã trả lời tất cả những câu hỏi về địa dư, lên ba tuổi đã nói được tiếng Pháp, tiếng La-Tin ; lên bốn tuổi đã có thể theo học các lớp triết học. Ông «Xi-tuy-a Minh» (Stuart Mill) lên ba đã học chữ Hy-lạp ; Ông «Vinh-lam ram xi-đi» (William James Sidis) lên hai đã đọc và viết chữ mẹ đẻ (Hoa-Kỳ), lên tám đã nói được tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Đức và một ít tiếng La-Tin, Hy-lạp. Cậu bé «Xin-va-nô-ri-gôn» (Silvanorigoll) ở Ý, mới ba tuổi đã làm Nhạc-sư và điều khiển một giàn nhạc, chưa biết đọc và viết, nhưng lại chép bản nhạc rất tài - tình, đánh đương - cầm và phong-cầm không thua gì những Nhạc-sĩ hữu danh.

Những bằng chứng rõ ràng trên không ai có thể chối cãi được. Nhưng cũng không ai có thể giải đáp được lý do vì đâu có hiện tượng lạ lùng như thế, nếu không tin có nhân-quả luân-hồi. Các nhà khoa-học cố gắng giải thích là tại những hạch tuyền trong người các thiên-tài ấy phát triển một cách nhanh chóng khác thường. Nhưng tại sao hạch tuyền chỉ phát triển trong một số người ấy mà thôi? Có người giải thích là do di truyền. Nhưng lời giải thích nào cũng không làm cho người ta thỏa mãn, vì ông cha những thần-đồng ấy cũng không có gì xuất sắc hơn những người khác. Và lại, con cháu các vị thần-đồng ấy về sau cũng không thừa hưởng được gì của ông cha cả.

Chỉ còn một lời giải thích duy nhất có thể đứng vững được là: nghiệp-nhân của nhiều đời kiếp trước đã phát triển thành quả trong đời hiện tại.



## CHƯƠNG NĂM

### Giải đáp những thắc-mắc, nghi-vấn về vấn-dề Nhân-Quả Luân-Hồi

Từ trước đến nay, chúng tôi chỉ trình bày những điểm chính của giáo-lý Nhân-quả Luân-hồi, mà không đi sâu vào chi tiết, và để sự trình bày được rõ ràng, có mạch lạc, chúng tôi đã gát lại tất cả những thắc mắc, nghi-vấn có thể hiện ra nhiều lần trong đầu óc quý vị, khi đọc các đoạn trước. Đến đây, sau khi trình bày xong xuôi những nét chính của giáo-lý Nhân-quả Luân-hồi, chúng tôi xin lỗi lượt giải đáp những thắc mắc ; hay nghi-vấn trong vấn-dề này :

I.— **Có người nghĩ rằng : Nhân-quả là một luật tự nhiên rất công bằng đúng-đắn,** sao có người cả đời hiền từ, mà lại gặp lầm

tai nạn, khố sờ, trái lại những người hung ác sao lại vẫn an lành?

**Đáp.**— Chắc quý-vị chưa quên trong chương nói về nghiệp, chúng tôi đã trình bày rằng xét về thời-gian, nghiệp có chia ra làm ba thứ:

a) *Hiện báo*: Quá báo hiện tiền, như mình đánh người, bị người đánh ngay; hay ăn cơm thì no, uống nước liền đỡ khát.

b) *Sanh báo*: Đời nay tạo nhân, qua đời sau mới thọ quả báo, như làm một tội ác gì, ngay khi ấy không ai biết mà bắt, đến lâu sau việc ấy mới tiết lộ và người làm ác mới đền tội.

c) *Hậu báo*: Đời nay tạo nhân, mà cách mầy đời sau mới chịu quả báo. Như ngài Ngộ-Đạt-quốc-sư, đời trước làm quan tên là Viên-Án, vì giết Triệu-Thđ, mà đến 10 đời sau mới chịu quả báo.

Vậy nếu có người trong đời hiện tại làm việc hung ác, mà được an lành là do kiếp trước họ tạo nhân hiền từ. Còn cái

nhân hung ác mới tạo trong đời hiện tại, thì trong tương-lai hay qua đời sau, họ sẽ chịu quả báo. Cũng như người năm nay ăn chơi, không làm gì hết mà vẫn no đủ, là nhờ năm rồi họ có làm, có tiền của để dành vậy. Cái nhân ăn chơi, không làm, năm nay thì sang năm họ sẽ chịu quả đói rách.

Còn người đời nay hiền từ, làm các điều phước thiện mà vẫn gặp tai nạn, khổ sở là do đời trước, họ tạo những nhân không tốt. Cái nhân hiền từ đời nay, qua đời sau họ sẽ hưởng quả vui. Cũng như có người tuy năm nay siêng năng làm ruộng, mà vẫn thiều hụt là vì nhân ăn chơi năm vừa rồi. Cái nhân siêng năng năm nay sang năm họ sẽ hưởng quả sung túc. Do đó, cô nhân có nói :

« Thiện ác đáo đầu chung hữu báo,  
Chỉ tranh lai tako dữ lai trì »

(nghĩa là: Việc lành hay việc dữ đều có quả báo, chỉ khác nhau đèn sớm hay muộn mà thôi).

**II.— Có người hỏi :** Người đã có phước mới được giàu sang, vậy tại sao trong số người giàu sang ấy vẫn có người ngu si, chèt yếu, hoặc đui, điếc, ngọng, lịu v.v... (ngu, si, ám, á, gia hà phú). Trái lại, người vô phước mới nghèo nàn, vậy sao trong số những người này, vẫn có người thông-minh, đẹp-đẽ, trường thọ v.v... (trí-huệ, thông-minh khước thọ bẩn).

**Đáp :**

— Người đời nay giàu có là trước tạo nhân giàu có, nhưng họ chỉ tạo nhân giàu có mà không tạo các nhân khác như trường thọ, trí-tuệ v.v... nên đời nay họ chỉ giàu mà thôi, chứ không sống lâu không thông-minh v.v... Trái lại, có người kiếp trước chỉ tạo nhơn trường thọ, trí-tuệ mà không tạo nhân giàu có, nên kiếp này được hưởng quả trường thọ và trí-tuệ mà không hưởng được quả giàu có. Nhân nào mình có tạo mới có quả ấy, còn nhân nào mình không tạo thì làm sao có quả được? Nên trong kinh nhân quả có nói: «Nhân quả báo

ứng như ảnh tùy hình» (nhân-quả trả nhau, như bóng theo hình. Hình ngay thì bóng thẳng, hình vạy thì bóng cong).

**III.— Có người hỏi:** Theo luật nhân-quả thì ai làm này chịu, cha làm tội con không thể thay thế được ; con làm tội, cha không thể thay thế được. Sao thầy có những việc : cha làm con phải chịu liên can, con làm cha phải chịu ánh hưởng ?

**Trả lời:**

— Trong kinh Phật dạy nhân - quả nghiệp báo có hai thứ: biệt nghiệp và cộng nghiệp.

*a) Biệt nghiệp :* Là nghiệp báo riêng của mỗi chúng-sinh, như mình có học nhiều thì mình biết nhiều, mình ăn thì mình no, mình siêng năng thì mình dễ thành-công, mình nhác lười thì mình thất bại.

*b) Cộng nghiệp :* Là nghiệp báo chung cho nhiều chúng-sinh cùng sống trong một hoàn cảnh. Như người Việt-Nam sống trên mảnh đất chữ S này, trong giai đoạn chiến-tranh

Việt-Pháp vừa qua, thì dù giàu, dù nghèo, dù trí thức, dù bình dân đều chịu ảnh-hưởng chung của chiền-tranh ; như sanh ở một nước tiền-tiền thì mọi người đều được hưởng một đời sống vật-chất đầy-đủ hơn ở một xứ bán-khai. Đã chung-sanh trong một gia-dình, một xứ sở hay một dân-tộc, cõi nhiên cái nghiệp quả phải có liên-quan với nhau. Sách có nói: « Nhứt nhơn tác phuớc, thiên nhơn hưởng ; độc thọ khai hoa, vạn thọ hương » (một người làm phuớc, ngàn người đều được ảnh hưởng ; một cây trổ hoa, muôn cây chung-quanh đều được thơm-lây).

**IV.— Có người hỏi :** Đã gọi là cộng-nghệp thì tất-nhiên phải chịu những-nghệp quả giồng-nhau, đã sinh-trong-một-hoàn-cảnh thì tất-chịu-chung-một-ảnh-hưởng, mặc dù có-biệt-nghệp, nhưng những-biệt-nghệp ấy dù sao cũng chỉ có-tánh-cách sai-biệt-tiểu-tiết mà thôi (đại đồng, tiểu dị). Vậy tại-sao trong đời, thày có-những-người sống-chung-trong-một-hoàn-cảnh mà-lại trái-hàn-nhau. Thị dụ-như: có người hiền-lành

lại sanh trong một gia-đình hung ác, có người hung ác lại sanh trong gia-đình hiền lương ?

**Trả lời:**

— Trong đoạn phân loại về các thứ nghiệp, đã nói rằng có bốn loại nghiệp là:

- **Tích-lũy nghiệp,**
- **Tập-quán nghiệp,**
- **Cực-trọng nghiệp,**
- và **Cận-tử nghiệp.**

Trong các loại nghiệp ấy, **cực-trọng nghiệp** có tác động mạnh mẽ nhất sau khi chết. Nếu khi sống, cá-nhân nào đó tạo nhân **cực-trọng nghiệp** về loại thiện, như triệt để áp dụng những phương-pháp tu hành có hiệu quả như túc-dè, thập nhị nhân duyên... thì sau khi chết, được hưởng kết quả tốt đẹp vô cùng. Trái lại, nếu tạo nhân **cực-trọng nghiệp** về loại ác, như giết cha mẹ, sát hại người tu hành v.v... thì khi chết phải đọa vào địa ngục vô gián. Nhưng **cực-trọng nghiệp** không phải người nào cũng có: **nếu không tạo nhân cực-trọng**, như không

tu hành hay không phạm tội ngũ-nghịch  
thì tất nhiên không có nghiệp cực-trọng.

Trong trường hợp không có cực-trọng  
nghiệp, thì cận-tử-nghiệp (nghiệp lực khi  
lâm chung) là cái nghiệp có một tác động  
mạnh mẽ trong vẫn để dắt dẫn đi đầu thai.  
Trong nhiều trường hợp, thì cận-tử-nghiệp  
và tích-lũy-nghiệp, tập-quán-nghiệp cùng  
đóng một tánh chất giồng nhau, nghĩa là  
trong những đời trước và đời hiện tại có gây  
những việc thiện và khi lâm chung, cũng có  
những hành-động hay ý nghĩ việc thiện, hay  
trái lại, trong nhiều đời trước và hiện tại có  
tạo những nhân ác và khi lâm chung cũng  
làm hay nghĩ đền những việc ác. Trong  
trường hợp này, thì cận-tử-nghiệp sẽ dắt  
dẫn đi đầu thai một cách tự-nhiên, đền một  
hoàn-cảnh thích hợp với cả ba thứ nghiệp  
là tích-lũy-nghiệp, tập-quán và cận-tử-  
nghiệp. Chẳng hạn như một người, trong  
đời quá-khứ đã tạo những nhân hiền lành  
thì sau khi chết, đầu thai vào một gia-dình

cũng hiền lành và những người ở trong  
gia-đình ấy cũng không có trái ngược nhau.

Nhưng có một vài trường hợp mà cận-tử-nghiệp không đồng một tánh chất với tích-lũy và tập-quán-nghiệp, chẳng hạn như một người trong những đời quá-khứ và hiện-tại phần nhiều đều gieo nhân lành, đều có nhiều hành-động thiện, nhưng khi lâm chung, vì một lý do nào đó, có những ý nghĩ, hành-động bất thiện, nghĩa là tạo một cận-tử nghiệp bất thiện, như tham đắm, giận dữ v.v... thì cận-tử nghiệp này sẽ dắt dẫn đến một hoàn cảnh bất thiện, như sanh vào một gia - đình tham đắm, hay giận dữ v.v...

Nhưng nghiệp chính của người này là thiện thì trong đời sau này, người ấy sẽ hưởng quả thiện, mặc dù sống trong gia-đình ác.

Hay trái lại, tích-lũy và tập-quán-nghiệp của người ấy là ác, nhưng khi lâm chung, người ấy biết ăn-năn hối cải, tha thiết nghĩ

đèn điếu thiện và nhờ những người chung quanh hộ-niệm chú nguyện cho, nên tạo ra một cặn-tử-nghiệp thiện. Nghiệp này sẽ dắt dẫn đầu thai vào một gia - đình thiện. Nhưng nghiệp chính của người này trong quá khứ là ác, cho nên sau ít lâu sống trong gia-đình ấy, các nghiệp quả ác lại xuất hiện. Do đó mới có những trường hợp cha mẹ ác có con thiện, hay cha mẹ thiện có con ác.

**V.— Có người hỏi :** Nếu có Luân-hồi thì khi chết rồi, một người chỉ sanh ra một người thôi ; tại sao trên thế giới này, khi mới khai thiên lập địa chưa có người, mà cứ mỗi ngày nhân-loại mỗi thêm đông ? Vậy do đâu mà có nhiều người thế ?

**Trả lời :** Trong đoạn Luân-hồi, chúng tôi đã nói : chúng-sinh luân-hồi trong sáu cảnh giới là : thiên, nhân, a-tu-la, ngạ-quỷ, súc-sinh, địa-ngục. Chúng-sanh ở cảnh giới này có thể đầu thai qua cảnh giới khác, đắp đổi cho nhau, khi lên khi xuống, chứ không phải chỉ có người mới đầu thai làm người mà thôi. Những loài thú có những tâm-

trạng gần giồng người có thể đầu thai làm người được, cũng như những người có tâm-trạng lang sói sẽ trở thành lang sói.

Hơn nữa, trong đoạn trước, chúng tôi cũng có nói rằng trong các kinh Phật dạy: thè-giới trong vũ-trụ này nhiều như cát sông Hằng, chứ đâu phải chỉ một quả đât này là trung tâm điểm của vũ-trụ và có người? Các nhà bác-học cũng công nhận mỗi ngôi sao là một thè-giới. Trong hằng-hà sa-sô thè-giới ấy, có biết bao nhiêu là thè-giới có hoàn-cảnh giồng như quả đât nhỏ bé chúng ta đang ở đây! Thè-giới đã nhiều như thế, thì nhân-loại đâu phải ít? Tại sao chúng ta không thể tin được rằng thè nào cũng có sự luân-chuyển, sự lưu-thông, sự trao đổi về phương diện tinh-thần, về cái nghiệp giữa thè-giới này với thè-giới khác? Mỗi một thè-giới sắp hoại thì chúng-sinh ở thè-giới ấy tản cư, mỗi thè-giới đã thành, thì chúng-sinh ở các thè-giới đồng cảnh chung-quanh tựu đèn. Trong kinh Địa-Tạng có nói:

« Thủ giới hoại thời, hoàn ký tha phượng... » (thè-giới này hoại, thì gởi qua thù-giới khác, thù-giới khác hoại lại gởi đến thù-giới khác nữa...) Như đô-thành Saigon hiện giờ đây dân số rất đông, là do người ở các tỉnh đèn. Khi giặc yên, dân chúng trở về các tỉnh thì dân số Saigon tự nhiên bớt. Dân chúng ở Đô-thành nhiều hay ít là do người ở các nơi tụ đèn hay tản đi. Trong thù-giới hiện nay nhân loại nhiều hay ít cũng như vậy.

Đứng về phương-diện tổng-thể mà nói, thì không có mặt còn, sạch, nhóp, thêm, bớt, đầy voi (bắt sanh, bắt diệt, bắt cầu, bắt tịnh, bắt tăng, bắt giảm). Chỉ vì chúng ta có quan-niệm hẹp hòi, chia cắt, khu biệt, đóng khung trong một cảnh giới nên mới thấy loài này, loài khác, thù-giới này, thù-giới khác hoàn toàn cách biệt nhau.

**VI.— Có người hỏi:** Người và thú vật hoàn toàn khác nhau, làm sao người có thể tái sanh thành thú vật và thú vật thành người được?

**Trả lời:** Người ta thường có quan-niệm sai lầm rằng, người có linh-hồn người, thú vật có hồn thú vật. Linh-hồn người hay hồn thú, tuy người ta chưa hề thấy bao giờ, nhưng người ta tưởng tượng hẽ linh-hồn người thì có bóng dáng như người, hẽ hồn chó, mèo thì có bóng dáng như chó mèo, và bắt biển, dù chêt hay sống. Vì tưởng tượng như thè nên người không thè công nhận rằng: chêt rồi linh-hồn người lại chui vào thân hình chó, mèo, chẳng hạn, và hồn chó mèo lại nằm lót thân hình người.

Thật ra, nghiệp không phải là linh-hồn (như đã nói ở đoạn trước) mà là một năng-lực có nhuộm tính-chất những hành-động của mỗi chúng-sanh. Vì tính chất riêng biệt ấy mà nghiệp-lực nhập vào một hình thức này hay một hình thức khác do cái luật hắp-dẫn «đồng sanh tương ứng, đồng khí tương cầu».

«Thay vì nói người kia trở thành thú hay trái lại, thú kia trở thành người, đúng

hơn nên nói rằng: nghiệp-lực phát hiện dưới hình thể người hay dưới hình thể thú» (1).

Một hôm có hai người đạo-sĩ: một người tên «Bun-Na» (Punna) tu khổ hạnh theo lối sông của loài bò, một người tên «Xơ-ni-da» (Seniya) tu khổ hạnh theo lối sông của loài chó, hai người này đèn hỏi đức Phật về kiếp vị-lai của họ. Đức Phật trả lời:

«Trong đời này, một gã kia thực hành trọn vẹn không thời chuyển những thói quen, những tâm-trạng những tánh cách của chó, gã ấy đã sông theo thói thường của chó, sau khi chết sẽ tái sanh trong loài chó».

Đức Phật cũng giải thích như trên rằng: kẻ nào tu khổ hạnh theo bò, cũng sẽ tái sanh trong loài bò.

Thí dụ trên chứng minh một cách hùng-hỗn: nghiệp-lực có thể đặt dẫn đi đâu thai bắt luận trong loại nào, cảnh giới nào.

---

(1) *Narada Maha Thera.*

Không cần phải đợi đèn đèo vị lai, phải trải qua kiếp này đèn kiếp khác, ngay chính trong tâm niệm, trong từng hoàn cảnh của cuộc đời hiện tại, con người có thể trải qua trạng thái của sáu loài: khi con người sanh lòng giận dữ chém giết, thì cảnh A-tu-la hiện khởi; khi con người ung dung tự tại sông trong nhung lụa huy hoàng thì cảnh giới thiên-đàng hiện khởi; khi con người sống trong cảnh chiên-tranh bom đạn, trong cảnh kềm kẹp giam cầm, tra khảo dã man, nào bị treo ngược, nào bị đỗ nước sôi v.v... thì đó là cảnh giới địa-ngục.

Ngay trong loài người, nếu xét về phần vật-chất thì có nhiều người sống một cuộc đời đê-vương xán lạn như ở cõi thiên-đàng; có người lại sống chui rúc trong hang trong hò, ăn lông ở lỗ như thú vật. Xét về phần tinh-thần, thì có người thông-minh tài trí, đức hạnh như thánh nhân; có kẻ tâm địa lại töi-tăm, độc ác, xâu xa như lang

sói. Nếu đã tin có nghiệp-lực thì hạng người nói trên tất sẽ dắt dẫn đèn cõi thiền, và nghiệp-lực của hạng dưới tật phải đầu thai trong loài thú vật.

Chúng tôi đã giải-đáp một số nghi vấn, thắc mắc thông thường trong khi đề cập đèn văn-de Nhân-quá Luân-hồi. Chúng tôi biết còn nhiều thắc mắc, nghi vấn khác, nhưng chúng tôi xin gác lại, vì chúng không được phổ-thông và có tánh cách báu học, chuyên môn như văn để nguyên nhân đầu tiên của nghiệp, văn để trách-nhiệm về phương-diện đạo-đức, văn để so sánh giữa thuyết tiền định, mệnh và nghiệp báo khác nhau như thế nào v.v..

Chúng tôi không muôn kéo dài thêm nữa, phạm vi có chừng hạn của sách loại phổ thông này. Và đèn đây, chúng tôi tưởng đã đèn lúc nói vài lời tạm biệt cùng quý vị độc giả thân mến.

Sa- éc  
Wednesday, December 09, 2015

## Vài lời tạm biệt

Thưa quý vị độc-giả !

Vần-đề Nhân-quả Luân-hồi là một vần-đề vô cùng quan trọng, không những đòi với người Phật-tử, mà cả đền những ai đang băn-khoăn thắc mắc trước bao vần-đề mà cuộc sống đã đặt ra, như: Chúng ta từ đâu lại và sẽ đi về đâu? động lực của sự sống là gì? Ai là chủ nhân ông của đời mình? Tại sao có những hoàn-cảnh trái ngược nhau trong xã-hội? Ta có thể giải-thoát khỏi cảnh giới tội tăm này để đền một cảnh giới đẹp để khác không? Và nếu được, thì bằng phương tiện gì?

Những vần-đề trên, mọi người đều nên biết. Nhưng một khi đã biết rồi, chúng ta không nên tự cho là đã thỏa mãn trí óc mò

mà yên lòng xếp sách lại. Cái biết suông ấy không có lợi ích thiêt thực gì cho ta cả. Không biết thì phải tìm mà biết, khi đã biết rồi thì phải hành động đúng theo sự hiểu biết ấy.

Giáo-lý Nhân-quá Luân-hồi đem lại cho chúng ta một niềm phần khởi mạnh mẽ vô cùng, đó là tự kiền tạo lầy đời mình. Trong bao nhiêu kiếp Luân-hồi, mỗi chúng ta là tay thợ tự xây dựng lầy địa vị của mình mà không hay. Do sự mê mờ ấy, chúng ta đã làm hại đời của chúng ta bằng cách buông xuôi tay, trao gởi niềm tin vào những đằng thiêng liêng tưởng tượng, hay rên xiết, khóc than trách móc định mệnh khắc nghiệt đã trói buộc đời mình.

Giờ đây, chúng ta đã biết chính mõi chúng ta đã tự tay trói buộc chúng ta trong cảnh sanh tử luân-hồi. Chúng ta đã tự trói buộc chúng ta, thì cũng chỉ có chúng ta là có thể cởi mở cho chúng ta mà thôi. Đức Phật là đàng sáng suốt đã chỉ dạy cho chúng

ta những phương pháp tự cõi trói. Vậy chúng ta còn chờ đợi gì, còn luyện tiệc gì mà không chịu bắt tay làm ngay cái cử chỉ mở trói ây ? Chung quanh chúng ta đã có nhiều vị thầy hướng dẫn bước đầu của chúng ta, đã có những người bạn đồng hành đang tinh tấn, hăng hái ngày đêm làm cái công việc tự cõi mở ây, hay nói theo danh từ nhà Phật, làm công việc giải-thoát ây.

Bạn còn chờ đợi gì ?

Nếu bạn đã là Phật-tử, bạn hãy tinh-tàn nữa lên ! Nếu bạn chưa là Phật-tử, bạn hãy gấp rút gia-nhập vào đạo quân giải-phóng hiện đang có mặt khắp năm châu, đạo quân giải phóng đang theo dấu chân Phật để diệt trừ vô-minh đem lại hạnh-phúc chân thật cho mình và cho người.

Xin kính chào bạn.

Sa- éc  
Wednesday, December 09, 2015

HẾT

- \* Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- \* Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, dao binh, ngục tù.
- \* Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những qua báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.
- \* Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám侵害 hai.
- \* Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Điện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- \* Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên ý thức đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời dài.
- \* Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.
- \* Tám là, vĩnh viễn xa lià đường ác, sanh vào cõi thiên, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- \* Mười là, hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sinh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp, phước huệ rộng lớn, chúng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

### ÂN QUANG TỔ SƯ DAY :

Ân tông Kinh, tương Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gấp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bịnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ân tông, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.



HỘ-PHÁP

www.Sachvui.Com

*Sachvui.Com*